

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường
Lâm Viên Đà Lạt, tỉnh Lâm
Đồng
MSDN: 5800000174



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

I. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Điều lệ Công ty;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 24/4/2026;
- Kết quả kiểm phiếu biểu quyết;
- Kết quả kiểm phiếu bầu cử.

II. Thông tin Đại hội

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 78.800.000
- Tổng số cổ đông tham dự: 26
- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 77.785.400
- Tỷ lệ tham dự: 99,98%

III. Nội dung được thông qua

Điều 1. Tờ trình số 1: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 2. Tờ trình số 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 3 Tờ trình số 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2025. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 4 Tờ trình số 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Tỷ lệ tán thành: 100%

Điều 5 Tờ trình số 5: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 6 Tờ trình số 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2026. Tỷ lệ tán thành: 59,49%

Điều 7 Tờ trình số 7: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 8 Tờ trình số 8: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 9 Tờ trình số 9: Thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2026. Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 10. Tờ trình số 9 miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:

Ông: Đỗ Văn Hạ Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 11. miễn nhiệm Kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 đối với: ông Phạm Văn Khoa Tỷ lệ tán thành: 100 %

Điều 12. Danh sách những người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:

1. Bà: Nguyễn Thị Kim Thúy- Chức danh: thành viên Hội đồng quản trị

Tổng số phiếu bầu: 77.781.300 tỷ lệ: 100 %

2. Ông: Võ Văn Đạt - Chức danh Kiểm soát viên

Tổng số phiếu bầu: 77.781.700 tỷ lệ: 100 %

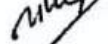
IV. Hiệu lực & công bố thông tin

- Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký
- Công ty có trách nhiệm:
 - + Công bố thông tin trong **24 giờ**;
 - + Đăng tải trên website;

Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

(Ký, ghi rõ họ tên) 



Phan Đình Tân

Lâm Đồng, Ngày 24 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG - MÃ CK: LDW

Vào lúc 07giờ 30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Hội trường Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (“Đại hội”) được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

I. Khai mạc Đại hội:

1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

Thành phần tham dự bao gồm toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”).

2. Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Phạm Huy Lâm	P. Phòng Tổ chức hành chính	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Diệu Như	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
3	Nguyễn Thị Hòa	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
4	Trần Thị Trinh	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên
5	Nguyễn Thị Phi Bảo Châu	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên

3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - lần thứ nhất:

Ông Phạm Huy Lâm, Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự đến thời điểm 07 giờ 30 phút là 27 cổ đông, với 77.785.400 cổ phần có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp đạt tỷ lệ 99,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên bố khai mạc Đại hội: Căn cứ vào kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ông Phan Đình Tân Chủ tịch Hội đồng quản trị- Trưởng ban Tổ chức Đại hội tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

II. Nội Dung:

1. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội

Sau khi ông Nguyễn Phi Hoàng trình bày toàn văn Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội, Đại hội biểu quyết tán thành với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.785.400	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.785.400 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

2. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự:

2.1 Chủ tọa đoàn

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Chủ tọa đoàn như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa Đại hội
2	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
3	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Kết quả biểu quyết

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.785.400	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.785.400 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Chủ tọa đoàn như trên.

2.2 Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu

- Thư ký đại hội (gồm 02 người):

STT	Họ và tên	Đơn vị
1	Nguyễn Phi Hoàng	Thư ký công ty
2	Trần Thị Tuyết Ngọc	Phó Phòng Tài chính Kế toán

- Ban Kiểm phiếu (gồm 05 người):

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Nguyễn Thị Vân	Đội trưởng Đội ghi thu	Trưởng ban

2	Phạm Văn Huy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
3	Trần Trung Kiên	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
4	Nguyễn Kiều Hương	Xí nghiệp Xây Lắp CTN	Thành viên
5	Tôn Nữ Lê Hoàng Vy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.785.400	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.785.400 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận số lượng và danh sách Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu đại hội.

3. Thông qua chương trình Đại hội

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân trình bày Chương trình Đại hội, Đại hội đã biểu quyết với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.785.400	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.785.400 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Chương trình Đại hội trên.

4. Thông qua các nội dung trình:

4.1 Trình Tờ trình 01

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán; gồm các nội dung chính như sau:

Kính thưa quý cổ đông: Báo cáo tài chính năm 2025 được công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế ICPA (là đơn vị được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán) thực hiện kiểm toán và Kiểm toán viên đã có ý kiến trong báo cáo kiểm toán độc lập như: Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp vào ngày 10/03/2026; báo cáo có 36 trang bao gồm: báo cáo của Ban Tổng giám đốc (từ trang 1 đến trang 2), Báo cáo kiểm toán độc lập (trang 3), bảng cân đối kế toán tổng hợp (từ trang 4 đến trang 5), báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (trang 6), báo cáo luân chuyển tiền tệ tổng hợp (trang 7) và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (từ trang 8 đến trang 36); Báo cáo này đã được công bố thông tin ngay sau khi được xác nhận chính thức. Vì vậy, để không mất nhiều thời gian của Đại hội tôi xin trình bày một số điểm chính như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
I	Vốn điều lệ	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	971.195.029.677
III	Tổng tài sản	1.179.680.760.187
1	Tài sản ngắn hạn	98.515.942.483
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	44.385.496.387
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.001.096.381
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	38.649.843.058
	- Hàng tồn kho	8.479.506.657
	- Tài sản ngắn hạn khác	0
2	Tài sản dài hạn	1.081.164.817.704
	- Các khoản phải thu dài hạn	0
	- Tài sản cố định	425.155.640.937
	- Tài sản dở dang dài hạn	4.792.902.530
	- Đầu tư tài chính dài hạn	637.970.000.000
	- Tài sản dài hạn khác	13.246.274.237
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	319.621.707.076
2	Giá vốn hàng bán	232.887.009.288
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.734.697.788
4	Doanh thu hoạt động tài chính	47.631.866.739
5	Chi phí tài chính	11.159.185.190
6	Chi phí bán hàng	5.394.462.950
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.169.207.111
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.643.709.276
9	Thu nhập khác	363.571.185
10	Chi phí khác	1.234.281.480
11	Lợi nhuận khác	(870.710.295)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.772.998.981
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.469.426.871
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(65.638.188)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.369.210.298

4.2 Trình Tờ trình số 02

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Nội dung: Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động của năm 2026 gồm các nội dung sau:

- Một số chỉ tiêu chính năm 2025 đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % Thực hiện/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	368.411	367.617	99,78%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	95.136	100.773	105,93%
3	Tỷ lệ thất thoát	Triệu đồng	17,00%	17,00%	100,00%

- Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026

+ Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2026 vào ngày 24/4/2026.

+ Tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu cụ thể như sau (chi tiết xem tờ trình số 6/2026):

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025
1	Doanh thu tổng	Triệu đồng	361.970	367.617
2	Doanh thu SX chính	Triệu đồng	323.939	319.621
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17%	17%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	91.726	100.772
5	Cổ tức	%	6,14	6,12

- Doanh thu hoạt động cốt lõi của công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch với giá bán nước sạch được cơ quan quản lý kiểm soát chặt chẽ về lợi nhuận định mức nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận cho người dân, dẫn đến biên lợi nhuận thấp cụ thể giới hạn 1.500 đồng/m³ (thông tư 44/2021/TT-BTC) và hạn chế tính linh hoạt trong việc điều chỉnh giá theo biến động chi phí đầu vào, tuy nhiên với quyết tâm công ty nhất trí phân đầu tăng 1,3% doanh thu hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch trong năm 2026 so với năm 2025 nhằm bù đắp khoản thu về lãi tiền gởi giảm 100 tỷ do phải đầu tư để thực hiện nâng cấp, sửa chữa hệ thống, xây dựng thêm nhà máy mới, thực hiện chống thất thoát...);

- Quyết tâm giải quyết tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước Công ty phụ trách như tiếp tục xúc tiến đàm phán mua nước của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyền Lâm hoặc đàm phán mua lại nhà máy xử lý nước Tuyền Lâm của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyền Lâm; đẩy nhanh tiến trình đầu tư đường ống chuyển tải từ Nhà máy Đan kia 1 về Đà Lạt; nâng công suất Nhà máy Đan kia 1 từ 25.000m³/ngđ lên 49.000m³/ngđ, xây dựng mới nhà máy nước mặt ở xã Bảo Lâm, cải tạo hệ thống cấp nước các khu vực nước yếu, khai thác nguồn mới bổ cấp cho các khu vực nguồn bị ô nhiễm, cạn kiệt.

- Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp theo.

- Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát hoàn thiện Phương án chống thất thoát để có giải pháp toàn diện, triệt để hơn để đạt được hiệu quả chống thất thoát như chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Chỉ đạo rà soát, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và các chi phí khác để tối ưu lợi nhuận; xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") đặc biệt chú ý đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành.

- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty, xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để tiếp cận thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của Công ty trước mắt xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh để tiết kiệm chi phí điện năng trong sản xuất.

- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, ngành hàng, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trong vùng cấp nước được phân định với mục tiêu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đi đôi với hiệu quả kinh tế.
 - Chỉ đạo đảm bảo nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo chất lượng kỹ thuật và an toàn, hiệu quả.
- hiện hành của Nhà nước; Quản lý có hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn, dòng tiền tại Công ty.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Tổ chức rà soát lại các quy định, quy chế quản trị nội bộ để bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với các quy định

4.3 Trình tờ trình số 3

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2025

Một số nội dung chính như sau:

Trong năm 2025, Công ty đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định pháp luật đối với Công ty cổ phần đại chúng, cụ thể:

Các hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo phát triển, an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được giám sát, đảm bảo đúng định hướng đề ra thông qua công tác giám sát, kiểm tra hàng quý do BKS thực hiện.

- Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động
Tỷ suất LN thuần HĐKD/DTT	31,8%	39,2%	-7,4%
Tỷ suất GVHB/DTT	72,9%	71,4%	1,5%
Tỷ suất Chi phí lãi vay/DTT	3,5%	3,9%	-0,4%
Tỷ suất CPBH/DTT	1,7%	1,3%	0,4%
Tỷ suất CPQLDN/DTT	5,1%	5,7%	-0,7%
Tỷ suất LNST/DTT	25,1%	31,2%	-6,0%

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2025 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành
		Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	

1	Tổng doanh thu	368.411.000.000	367.617.145.000	99,8%
2	Doanh thu sản xuất chính	328.314.000.000	319.621.707.076	97,4%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	95.136.000.000	100.772.998.981	105,9%
4	Tổng quỹ lương	58.399.000.000	58.832.000.000	100,7%
5	Tỷ lệ thất thoát	17%	17%	Đạt KH
6	Chia cổ tức năm 2024	6,12%		Đã hoàn thành

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính được giao: Lợi nhuận trước thuế vượt 5,9%; Tỷ thất thoát đạt kế hoạch là 17%.

4.4 Trình tờ trình số 4

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát năm 2025

- **Các hoạt động của Ban kiểm soát:** BKS đã hoàn thành kế hoạch hành động năm 2025 đề ra.

- **Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026:**

Tập trung vào những nội dung chính sau:

+ Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

+ Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.

+ Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.

+ Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.

+ Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng

+ Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

- + Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- + Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

4.5 Trình Tờ trình số 05

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Nội dung: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cổ tức năm 2025 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 367.617.145.000 đồng
2. Doanh thu sản xuất kinh doanh: 319.621.707.076 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 17,00%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 100.772.998.981 đồng
5. Cổ tức: 6,12% (612 đồng/cổ phần)
6. Tổng quỹ lương thực hiện 2025: 58.831.070.800 đồng.

Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/2 và báo cáo tổng quỹ lương thực hiện 2025 (xem chi tiết tại website: www.lawaco.com).

4.6 Trình Tờ trình số 06

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và dự kiến mức cổ tức năm 2026

Gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 361.970.000.000 đồng
2. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 323.939.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 17%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 91.726.000.000 đồng
5. Cổ tức: $\geq 6,14\%$ (≥ 614 đồng/cổ phần)

- Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản (xem phụ lục 05/1 đính kèm) trong đó tổng giá trị đầu tư dự toán là 248,61 tỷ đồng tuy nhiên một số công trình có suất đầu tư giá trị lớn chuyển từ năm 2025 qua do vướng thủ tục như tuyến ống Chuyển tải D600 gang từ nhà máy nước Đan kia đến Bể chứa Tùng Lâm (93 tỷ), xây dựng bể lắng Lamel 10.000m³ để nâng công suất của Nhà máy nước Đan kia đã bị hết công suất từ lâu (10 tỷ) và xây dựng nhà máy nước mặt giai đoạn 1 có công suất là 3.000m³/ngđ nhằm chuyển đổi từ khai thác nước ngầm sang nước mặt cho Nhà máy cấp nước Bảo Lâm (20 tỷ), thủ tục vướng mắc chủ yếu là lĩnh vực sử dụng đất, thủ tục phải thực hiện nhiều tầng, cần có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền từ trung ương, thời gian kéo dài vì vậy năm 2026 Ban điều hành lập kế hoạch tài chính với tỷ lệ 40% tổng dự toán. Đây là các công trình cần thiết để phát triển công suất nhà máy, bảo đảm an toàn cấp nước... Vì vậy, để kịp thực hiện khi được phép triển khai, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt phần kinh phí vượt 40% như dự toán trên, giá trị này không được vượt quá giá trị dự toán ban đầu.

- Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/2 đính kèm (nguồn lương thực hiện được quyết toán thực tế trong năm 2026).

4.6 Trình Tờ trình số 07

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026

Giới thiệu danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026, gồm 03 công ty sau:

a) Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

b) Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

c) Công ty TNHH Kiểm toán VACO – CN TP.HCM. Địa chỉ: Lầu 11, Tòa nhà HUD Building, Số 159 Điện Biên Phủ, P15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.8 Trình tờ trình số 08

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Nội dung: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025.

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đvt: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	80.369.210.298
2	Nộp vào quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quyết định 1381/QĐ-UBND	1.113.778.523
3	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025	79.255.431.775
	Trong đó:	
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	4.755.325.907
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.439.987.484
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	20.195.988.735
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	2.243.998.748
3.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
3.4	Trích thưởng HĐQT, BKS (TB+TV) và BDH	2.456.918.385
	+ Thưởng HĐQT, BKS (TB+TV)	1.228.459.193
	+ Thưởng BDH	1.228.459.192
3.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	48.225.600.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)=(1.5)/VĐL	6,12

(xem phụ lục 8 tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố))

2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2025

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2025: 6,12% vốn điều lệ

- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến trong tháng 07 năm 2026.

- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2025 bằng tiền

4.9 Trình tờ trình số 09

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Nội dung: báo cáo quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và dự kiến thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026 (Tờ trình 09).

đvt: đồng

Stt	Chỉ Tiêu	Số người	Năm 2025			Kế hoạch 2026	So sánh KH 2026/TH 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	TIỀN THÙ LAO		1.377.600.000	1.377.600.000	100,00	1.377.600.000	100,00
1	Hội Đồng Quản Trị		1.152.000.000	1.152.000.000	100,00	1.152.000.000	100,00
	+ Chủ tịch	1	480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
	+ Thành viên	4	672.000.000	672.000.000	100,00	672.000.000	100,00
2	Thành viên Ban Kiểm Soát	2	225.600.000	225.600.000	100,00	225.600.000	100,00
II.	TIỀN LƯƠNG		480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
	Tổng (I)+(II)		1.857.600.000	1.857.600.000	100,00	1.857.600.000	100,00

(xem phụ lục 9 tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố))

III. THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN GIẢI TRÌNH

Đại hội Thảo luận và ý kiến giải trình:

A. Các ý kiến của cổ đông:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng Đại diện vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng:

1.1 Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.

1.2. Không thống nhất thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo đề xuất của HĐQT Công ty. Đề nghị ĐHCĐ thường niên 2026 xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đảm bảo tăng trưởng sản lượng hoặc doanh thu từ 10% so với thực hiện năm 2025.

1.3. Cơ bản thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư mới năm 2026 theo đề xuất của Người đại diện. Tuy nhiên, đề nghị Người đại diện có ý kiến với HĐQT Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư mới năm 2026 theo đúng phân cấp thẩm quyền, đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

1.4. Thống nhất thông qua mức thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 của HĐQT, Ban Kiểm soát theo đề xuất của HĐQT.

1.5. Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025 theo đề xuất của HĐQT Công ty.

1.6. Thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Đỗ Văn Hạ và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

1.7. Thống nhất thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Phạm Văn Khoa và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028. SCIC đề cử Ông Võ Văn Đạt – Chuyên viên Đầu tư, SCIC tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 (Đơn đề cử đính kèm). Về bầu cử: Đề nghị các Ông bầu dồn phiếu cho Ông Võ Văn Đạt.

B. Các ý kiến giải trình:

1. Ông Phan Đình Tân Chủ tọa Đại hội: Thay mặt Chủ tịch đoàn tôi cảm ơn sự thống nhất của quý cổ đông với hầu hết các chỉ tiêu, nội dung Hội đồng quản trị trình với Đại hội đồng cổ đông, riêng chỉ tiêu mức tăng trưởng năm 2026 quý cổ đông SCIC có yêu cầu xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đảm bảo tăng trưởng sản lượng hoặc doanh thu từ 10% so với thực hiện năm 2025 là phù hợp với chủ trương của chính phủ đặt ra với mục tiêu tăng trưởng 10% GDP trong năm 2026; HĐQT Công ty hoàn toàn đồng thuận về mặt chủ trương. Tuy nhiên, trong lĩnh vực cấp nước, việc thực hiện tăng trưởng của ngành cấp thoát nước chịu ràng buộc bởi các yếu tố mang tính pháp lý đặc thù; vì vậy, sau khi làm việc với Ban Điều hành chúng tôi nhận thấy rất khó thực hiện do:

Mức Tăng trưởng doanh thu hàng năm của Công ty dựa vào doanh thu hoạt động sản xuất nước máy là chính, năm 2026 dự báo hoạt động sản xuất chính sẽ không thể tăng trưởng mạnh vì những yếu tố sau:

1. Nhu cầu tiêu thụ đã gần như đạt mức tối đa vì sản xuất, kinh doanh nước là một ngành đặc thù phụ thuộc hoàn toàn vào nhu cầu sử dụng của khách hàng, chúng ta không thể kích cầu tiêu dùng nước máy như hàng hóa bình thường khác, khi nhu cầu gần như đã bão hòa trong vùng phục vụ cấp nước mà Công ty đã được UBND tỉnh quy hoạch từ trước; tính đến cuối năm 2025, tỷ lệ cư dân đô thị các phường Đà Lạt được cung cấp nước sạch tập trung đạt 97,9% (2,1% còn lại không cấp được do thiếu hụt nước và xa nguồn cấp), tỷ lệ cấp nước này vượt chỉ tiêu 95% theo Nghị quyết của Tỉnh ủy; tại các khu tập trung dân cư thuộc các xã mà Công ty có vùng phục vụ cấp nước thì hơn 82% các hộ dân đã được cấp nước, 18% còn lại ở rất xa nguồn cấp, việc phát triển khách hàng ở khu vực này chi phí rất cao, việc thu hồi vốn rất chậm vì vậy không thể thực hiện tăng trưởng đáng kể trong ngắn hạn.

2. Sản lượng nước của nhà máy Đan Kia Suối Vàng cấp về thành phố Đà Lạt không đạt mức tối đa (do dự án đầu tư tuyến ống chuyển tải D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm chậm thực hiện do vướng các thủ tục). Công suất của các nhà máy khác đều ở ngưỡng giới hạn tối đa cho phép cần phải được đầu tư nâng cấp.

3. Doanh thu bị giới hạn do quy định giá bán: Doanh thu hoạt động sản xuất chính của Công ty (trong đó doanh thu cung cấp nước sinh hoạt là chủ yếu) hiện tại chiếm tỷ trọng 65,2% trong tổng doanh thu của công ty. Mặt hàng nước sạch hiện do nhà nước quản lý và định giá. Lợi nhuận định mức tối đa của hoạt động sản xuất nước sạch mà UBND tỉnh quyết định theo thông tư 44/2021/TT-BTC là 1.500 đồng/m³; vì vậy cơ cấu giá nước phải thực hiện theo định mức do địa phương quy định, cụ thể số liệu năm 2025 như sau:

- Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt hộ dân cư chiếm 62,52% (13,68 triệu m³). Trong đó, mức giá 1 (hộ dân cư 8.340 đồng/m³) đang được hỗ trợ giá dưới giá thành sản xuất nước, chiếm tỷ trọng 38,88% (8,15 triệu m³).

- Đối tượng sử dụng nước của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng 26,41% (5,78 triệu m³). Đối tượng này chịu giá cao 19.985 đồng/m³, tuy nhiên mức độ phát triển đối tượng khách hàng này năm 2025 giảm hơn năm 2024 gần 0,5% thể hiện yếu tố bão hòa do tới hạn.

4. Năm 2026 dự báo kinh tế thế giới đang trải qua giai đoạn tăng trưởng chậm lại, với nhiều rủi ro từ chính sách thương mại, nợ công và bất ổn địa chính trị, bất ổn trong chính sách kinh tế... lạm phát sẽ làm chi phí sản xuất nước tăng (chi phí năng lượng, nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí nhân công tăng theo điều chỉnh tiền lương cơ sở của Nhà nước...), công ty sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì lợi nhuận cao hoặc đạt được tỷ lệ tăng trưởng mạnh; cụ thể Quý 1/2025 doanh thu nước đạt: 73,233 tỷ và Quý 1/2026 doanh thu chỉ đạt: 74,772 tỷ tăng hơn 2,1% so với quý 1/2025; tỷ lệ thất thoát tăng lên 17,48 % do các vụ bể vỡ tăng lên rất nhiều do hạ tầng đường ống đã vận hành lâu năm, vật liệu suy giảm chất lượng theo thời gian, dẫn đến gia tăng rò rỉ, vỡ ống và sai số đo đếm; hoạt động chỉnh trang đô thị tại nhiều địa phương trong tỉnh mà nhiều nhất là hàng loạt các đường ở các phường trung tâm Đà Lạt được mở rộng, nâng cấp làm bể vỡ thường xuyên gây thất thoát nước lớn.

6. Trong điều kiện cơ chế hiện hành, nếu chúng ta đặt tỷ lệ phát triển cao (ví dụ 10%) là cần thiết để tạo động lực cho Ban điều hành; tuy nhiên, nếu chỉ tiêu đặt ra vượt quá khả năng thực tế, đặc biệt trong bối cảnh ngành cấp nước có nhiều ràng buộc, thì có thể phát sinh một số tác động không mong muốn như: Giảm tính khả thi, giảm động lực thực chất và người thực hiện dễ mất niềm tin vào khả năng hoàn thành, khi mục tiêu quá cao và khó đạt, nỗ lực chuyển từ “phấn đấu đạt” sang “làm cho có” và nguy cơ động lực bị hình thức hóa không thực chất, có thể phát sinh xu hướng cắt giảm chi phí cần thiết, trì hoãn bảo trì, đầu tư và đẩy doanh thu ngắn hạn nhiều hơn sẽ ảnh hưởng đến an toàn hệ thống và phát triển bền vững; ngoài ra với việc giao chỉ tiêu kế hoạch cao và nếu liên tục không đạt kế hoạch sẽ làm giảm niềm tin của cổ đông ảnh hưởng đến việc đánh giá hoạt động của Ban điều hành.

Mục tiêu tăng trưởng cần mang tính thách thức nhưng phải khả thi, phù hợp với đặc thù ngành và cơ chế quản lý, để đảm bảo vừa tạo động lực, vừa đạt được kết quả thực chất thì tỷ lệ tăng trưởng 1,3% là hợp lý.

Vì vậy chúng tôi rất mong quý cổ đông thông cảm với khó khăn của Công ty khi có nhiều yếu tố bất lợi cho sự tăng trưởng của Công ty cần sớm được giải quyết, trong năm 2026 cần lựa chọn mục tiêu ưu tiên như tập trung vào các nhiệm vụ cấp bách nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ thay vì tập trung vào tăng trưởng về khối lượng tiêu thụ như: Chống thất thoát để duy trì được tỷ lệ 17% như kế hoạch và nhanh chóng thực hiện dự án đầu tư tuyến ống chuyển tải D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm và một số dự án nhỏ khác để cải thiện sản lượng cấp, qua đó có đủ nước để phát triển thêm khách hàng ở những năm tiếp theo, nhằm duy trì sự ổn định tài chính trước mắt và bền vững trong dài hạn mà không tạo ra áp lực quá lớn lên hệ thống hoặc chất lượng dịch vụ của Công ty, muốn vậy Công ty phải đầu tư vào nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện hệ thống cấp nước, phát triển các dịch vụ gia tăng để cải thiện giá trị cung cấp cho khách hàng; một mặt Công ty tiếp tục nỗ lực cải thiện hiệu quả hoạt động như tối ưu hóa quy trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và theo dõi sát sao các yếu tố thay đổi trong môi trường kinh doanh để điều chỉnh chiến lược phát triển khi có cơ hội.

Do đó rất mong quý cổ đông chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tại Tờ trình số 6 với tổng doanh thu là 361,9 tỷ giảm 1,5% so với năm 2025, doanh thu SX chính 323,9 tỷ tăng 1,3% so với năm 2025, cổ tức phần đầu đạt 614 đồng/cổ phần, tăng 02 đồng/cổ phần so với năm 2025.

Ngoài ra chúng tôi trân trọng tiếp thu các đóng góp khác của quý cổ đông như: thực hiện kế hoạch đầu tư mới năm 2026 theo đúng phân cấp thẩm quyền, đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ:

1. **Trình các vấn đề cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết tại Đại hội:** Ông Phan Đình Tân trình nội dung 09 vấn đề cần được Đại hội biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết như sau:

- Báo cáo tài chính 2025 (Tờ trình số 01)

- Báo cáo của HĐQT (Tờ trình số 2)
- Báo cáo của BKS (Tờ trình số 3 và số 4)
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 (tờ trình số 05)
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Tờ trình số 06)
- Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 (Tờ trình số 07)
- Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025 (Tờ trình số 08)
- Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2026 (Tờ trình số 09)

Như vậy là có 9 nội dung cần có biểu quyết của ĐHĐCĐ, chúng tôi xin ý kiến của Đại hội về các nội dung trên.

2. Ý kiến khác:

Không có ý kiến nào khác ông Phan Đình Tân điều hành Đại hội biểu quyết bằng thẻ Biểu quyết đối với số lượng nội dung cần biểu quyết trên.

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.785.400	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.785.400 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận 09 nội dung đưa vào biểu quyết nêu trên.

2 . Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - lần thứ hai:

Ông Phạm Huy Lân, Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự đến thời điểm 09giờ 40 phút là 29 cổ đông, với 77.791.400 phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp đạt tỷ lệ 98,72% so với tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông Công ty. Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành biểu quyết các vấn đề theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

3. Biểu quyết các vấn đề:

3.1 Hướng dẫn sử dụng phiếu: Bà Nguyễn Thị Vân hướng dẫn sử dụng phiếu

3.2 Kiểm tra thùng phiếu: Bà Nguyễn Thị Vân mời 01 cổ đông tham gia giám sát việc kiểm phiếu là Ông: Nhữ Hải Phong là cổ đông có số cổ phần sở hữu/ đại diện là : 400 cổ phần; cùng với Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu, cùng xác nhận thùng phiếu bảo đảm quy cách và hợp lệ.

3.3 Tiến hành bỏ phiếu: vào lúc 09 giờ 44 các cổ đông bỏ phiếu

3.4 Thu hồi phiếu và kiểm sơ bộ: vào lúc 09giờ 50 ban kiểm phiếu thu hồi phiếu và kiểm tra số lượng phiếu với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 26 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 26 phiếu

Trong đó:

- Phiếu hợp lệ: 26 phiếu
- Phiếu không hợp lệ: 00 phiếu

V. Trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và KSV

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Xin ý kiến về hình thức biểu quyết các tờ trình số 10 (việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và KSV), **tờ trình số 11** (Bầu bổ sung thành viên HĐQT và KSV) và **tờ trình số 12** (Danh sách ứng viên thành viên HĐQT và KSV).

Biểu quyết thông qua hình thức biểu quyết các tờ trình số 10, tờ trình số 11 và tờ trình số 12 bằng thẻ biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận **hình thức biểu quyết các tờ trình số 10** tờ trình số 10, tờ trình số 11 và tờ trình số 12 bằng thẻ biểu quyết

1. Trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và KSV (Tờ trình số 10)

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Đại hội đã được chủ tọa trình bày nội dung Tờ trình số 10 về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm của các Ông Đỗ Văn Hạ thành viên Hội đồng quản trị và ông Phạm Văn Khoa Kiểm soát viên và biểu quyết bằng thẻ biểu quyết với kết quả biểu quyết như sau:

1.1 Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 theo đơn xin từ nhiệm của Ông Đỗ Văn Hạ

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 theo đơn xin từ nhiệm của Ông Đỗ Văn Hạ.

1.2 Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028 theo đơn xin từ nhiệm của Ông Phạm Văn Khoa

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028 theo đơn xin từ nhiệm của ông Phạm Văn Khoa.

2. Trình về việc Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV (Tờ trình số 11)

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Ông Phan Đình Tân trình bày nội dung Tờ trình số 11 về việc Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028; Đại hội đã biểu quyết bằng thẻ biểu quyết với kết quả biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận việc bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028

3. Trình danh sách ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV (Tờ trình số 12)

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Đại hội đã được Ông Phan Đình Tân trình bày danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 và biểu quyết bằng thẻ biểu quyết với kết quả biểu quyết như sau:

3.1 Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT: số lượng 01 người

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện tại	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Kim Thúy	1990	Cử nhân Quản trị Nhân sự	Phó chánh văn phòng Ban Tổng Giám đốc; Thành viên Hội đồng quản trị; Phó	0	0

				Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh		
--	--	--	--	---	--	--

Kết quả:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như trên.

3.2 Danh sách ứng cử viên Kiểm soát viên: số lượng 01 người

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện tại	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Võ Văn Đạt	1988	- Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế - Tài chính; - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.	Chuyên viên Đầu tư - SCIC	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Danh sách ứng cử viên KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như trên

Kết luận:

+ Điền tên các ứng viên có tên trên vào danh sách bầu cử chính thức gồm:

- Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị là bà: **Nguyễn Thị Kim Thúy**
- Ứng viên Kiểm soát viên là ông: **Võ Văn Đạt**

+ Giao Ban tổ chức Đại hội tiến hành bầu cử theo quy định.

VI. Bầu bổ sung thành viên HĐQT và KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028

1. Trình bày Quy chế bầu cử:

Bà Nguyễn Thị Vân - trưởng BKP trình bày Quy chế bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 và Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng thẻ biểu quyết với kết quả biểu quyết như sau

2. Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.790.200	100%
Không tán thành	0	0

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Không có ý kiến	0	0

Với 77.790.200 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận quy chế bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT và 01 KSV thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028

3. Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu và tiến hành bầu: Bà Nguyễn Thị Vân hướng dẫn sử dụng phiếu bầu.

4. Bỏ phiếu:

4.1 Kiểm tra thùng phiếu: Ban kiểm phiếu mời Ông: Nhữ Hải Phong Là cổ đông có số cổ phần sở hữu là : 400 cổ phần; cùng với Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu, cùng xác nhận thùng phiếu bảo đảm quy cách và hợp lệ và tham gia giám sát việc kiểm phiếu.

4.2 Tiến hành bỏ phiếu: Vào lúc 09 giờ 44 các cổ đông bỏ phiếu

4.3 Thu hồi phiếu và kiểm sơ bộ: Vào lúc 09 giờ 50 Ban kiểm phiếu thu hồi phiếu và kiểm tra số lượng phiếu với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 26 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 26 phiếu

Trong đó:

- Phiếu hợp lệ: 25 phiếu
- Phiếu không hợp lệ: 01 phiếu

VII. Điều hành việc thảo luận và các ý kiến giải trình tiếp theo Đại hội tiếp tục thảo luận. Không có ý kiến nào khác chủ tọa đề nghị nghỉ giải lao tại chỗ

VIII. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình trong Đại hội: Bà Nguyễn Thị Vân trưởng kiểm phiếu biểu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trình trong Đại hội như sau:

Tờ trình	Loại phiếu	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thông qua	Không thông qua
Số 1	Tán thành	77.787.700	100%		
	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	2.500	0,00%		
Số 2	Tán thành	77.787.700	100%		
	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	2.500	0,00%		
Số 3	Tán thành	77.790.200	100%		
	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	0	0		
Số 4	Tán thành	77.787.700	100%		
	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	2.500	0,00%		
Số 5	Tán thành	77.790.200	100%		
	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	0	0		
	Tán thành	46.273.676	59,49%		

Số 6	Không tán thành	31.516.524	40,51%		
	Không có ý kiến	0	0		
Số 7	Tán thành	77.787.700	100%		
	Không tán thành	0	0		
Số 8	Không có ý kiến	2.500	0,00%		
	Tán thành	77.790.200	100%		
Số 9	Không tán thành	0	0		
	Không có ý kiến	0	0		
Số 10	Tán thành	77.787.700	100%		
	Không tán thành	0	0		
Số 11	Không có ý kiến	2.500	0,00%		
	Tán thành	77.790.200	100%		

Ban kiểm phiếu xác nhận kết quả kiểm phiếu là chính xác, công khai, minh bạch và đúng quy chế.

IX. Công bố kết quả bầu cử: Bà Nguyễn Thị Vân trường kiểm phiếu biểu công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Kết quả kiểm phiếu

- a) Tổng số cổ đông/đại diện/ủy quyền tham dự: 24 cổ đông
- b) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 77.782.500 cổ phần
- c) Tổng số phiếu bầu phát ra: 24 phiếu
- d) Tổng số phiếu thu về: 24 phiếu
- e) Phiếu hợp lệ: 23 phiếu
- f) Phiếu không hợp lệ: 01 phiếu

- Kết quả bầu cử

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số phiếu nhận được	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Kim Thúy	77.781.300	100%

- Kết luận: Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Bà Nguyễn Thị Kim Thúy là người có số phiếu cao nhất (77.781.300 phiếu, chiếm 100%) và trúng cử thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

Ban kiểm phiếu cam kết việc kiểm phiếu được thực hiện trung thực, chính xác, công khai và đúng quy định.

2. Bầu bổ sung KSV

-Kết quả kiểm phiếu

- a) Tổng số cổ đông/đại diện/ủy quyền tham dự: 25 cổ đông
- b) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 77.782.900 cổ phần

- c) Tổng số phiếu bầu phát ra: 25 phiếu
- d) Tổng số phiếu thu về: 25 phiếu
- e) Phiếu hợp lệ: 24 phiếu
- f) Phiếu không hợp lệ: 01 phiếu

- Kết quả bầu cử

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số phiếu nhận được	Tỷ lệ
1	Võ Văn Đạt	77.781.700	100%

- Kết luận: Căn cứ kết quả kiểm phiếu: ông Võ Văn Đạt là người có số phiếu cao nhất 77.781.700 phiếu, chiếm 100% và trúng cử chức danh Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

Ban kiểm phiếu cam kết việc kiểm phiếu được thực hiện trung thực, chính xác, công khai và đúng quy định.

X. Công tác nhân sự và ra mắt thành viên mới của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: thay mặt HĐQT, ông Phan đình Tân cảm ơn các ông Đỗ Văn Hạ và Phạm Văn Khoa đã đóng góp tích cực, trách nhiệm và tâm huyết trong thời gian tham gia Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát công ty.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với những thành viên mới cùng ra mắt Đại hội và quyết tâm thực hiện tốt vai trò quản trị, định hướng chiến lược, giám sát hoạt động và đảm bảo lợi ích hợp pháp, tối đa cho cổ đông

D. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI:

1. Đọc dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội: Ông Nguyễn Phi Hoàng thay mặt cho Thư ký đoàn đọc toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết trước Đại hội.

2. Thông qua Biên bản: Ông Phan Đình Tân điều hành đại hội thông qua Biên bản đại hội bằng thẻ Biểu quyết với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.781.700	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.781.700 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

1. Thông qua Nghị quyết Đại hội: Ông Phan Đình Tân điều hành Đại hội thông qua Nghị quyết Đại hội bằng thẻ Biểu quyết với kết quả như sau

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.781.700	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.781.700 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã chấp thuận Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng được lập lúc 11 giờ 30 ngày 24 tháng 04 năm 2026.

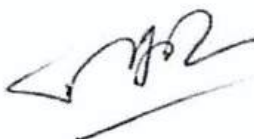
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kết thúc lúc giờ 11 giờ 30 cùng ngày./.

Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội



Nguyễn Phi Hoàng



Trần Thị Tuyết Ngọc



Phan Đình Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**
50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên
Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174
ĐT: 02633 834304; Fax: 02633 824 050
Website: lawaco.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 01/2026/BC-ĐHĐCĐ

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025
và Kế hoạch hoạt động của năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026**

Năm 2025, trong nước kinh tế vĩ mô tiếp tục được ổn định, lạm phát được kiểm soát, GDP tăng trưởng trong bối cảnh chính phủ triển khai sắp xếp lại đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tạo tiền đề nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đặc biệt, nền kinh tế phải đối mặt với thiên tai lịch sử, gây hậu quả nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống.

Lâm Đồng là địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai tuy không mang tính thảm họa lớn diện rộng nhưng diễn biến thất thường, cục bộ và lặp lại nhiều đợt làm cho hạ tầng giao thông hư hại, các tuyến đèo chính dẫn đến thành phố Đà Lạt bị sạt lở gây tắc đường cục bộ. hư hỏng đường sá, công trình gây tâm lý lo ngại cho du khách, du khách buộc hủy tour, làm lượng du khách giảm nhiều, mức thiệt hại không quá nặng nhưng ảnh hưởng rộng và dai dẳng.

Công ty được phân vùng cấp nước ở một số phường xã trên địa bàn một số địa phương cũ cấp thành phố, huyện như thành phố Đà Lạt, các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Lâm Hà, Đam Rông, Bảo Lâm, Đạ Huoai, tuy nhiên sản lượng cấp cho khu vực Đà Lạt chiếm tỷ trọng hơn 85% trong đó giá nước cho hoạt động SXKD thường chiếm trên 43% tuy nhiên năm 2025 do lượng du khách giảm cho nên chỉ đạt 39,99% vì vậy ảnh hưởng đến doanh thu của công ty.

Trước tình hình kinh tế - xã hội nêu trên, Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") cùng Ban Điều hành ("**BĐH**") và toàn thể người lao động Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đã không ngừng cố gắng, phấn đấu để thực hiện các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên 2025 giao, cụ thể như sau:

A. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2025:

I. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025:

Ngày 29/04/2025 ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã diễn ra thành công. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền là 21 cổ đông, đại diện sở hữu cho 77.770.800 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,694% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ("**LAWACO**"). ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Phê chuẩn các nội dung được Hội đồng quản trị ("HĐQT**") trình ĐHĐCĐ 2025 như sau:**

- **Tờ trình số 1:** Thông qua Báo cáo tài chính 2024 đã kiểm toán.
- **Tờ trình số 2:** Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024 - Kế hoạch hoạt động năm 2025.
- **Tờ trình số 3:** Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2024.
- **Tờ trình số 4:** Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2024.
- **Tờ trình số 5:** Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
- **Tờ trình số 6:** Kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2025
- **Tờ trình số 7:** Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
- **Tờ trình số 8:** Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024
- **Tờ trình số 9:** Báo cáo quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương trưởng Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương trưởng Ban Kiểm soát năm 2025.
- **Tờ trình số 10:** Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2025.

2. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

2.1 Thành phần HĐQT: HĐQT có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành là Ông Nguyễn Hùng Cường (Tổng Giám đốc) và ông Nguyễn Văn Dũng (Phó Tổng Giám đốc) các thành viên khác được phân công phụ trách một số lĩnh vực quản trị của Công ty.

2.2 Đánh giá chung:

- HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã duy trì tổ chức các phiên họp định kỳ theo kế hoạch và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ.

- Tại các kỳ họp, các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến định hướng và ban hành các chủ trương điều hành quan trọng, làm cơ sở cho Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chiến lược phát triển của Công ty.

- Trên cơ sở đánh giá thận trọng về hiệu quả đầu tư, HĐQT đã chủ động xem xét, tạm dừng một số dự án có quy mô vốn lớn nhưng chưa thật sự khả thi trong giai đoạn hiện tại; đồng thời ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực mang lại hiệu quả thiết thực như công tác chống thất thoát, thất thu, cải tạo – nâng cấp các khu vực cấp nước bất lợi, mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng và kiểm soát chi phí sản xuất. Việc tập trung đầu tư có trọng điểm đã góp phần hạ giá thành, nâng cao hiệu quả vận hành và thúc đẩy tăng trưởng sản lượng theo hướng bền vững, gắn với giá bán đúng mục đích sử dụng.

- HĐQT luôn bám sát tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty, phát huy các lợi thế cốt lõi của LAWACO, kiên định định hướng lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Các chiến lược phát triển khách hàng, mở rộng vùng cấp nước, nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo nguồn nhân lực được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ.

- Thông qua vai trò chỉ đạo, giám sát và định hướng kịp thời, Hội đồng Quản trị đã thể hiện rõ năng lực lãnh đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giúp Công ty hoàn thành và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Bên cạnh đó, HĐQT đã chủ động rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách và quy chế quản lý nội bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa và tối ưu hóa quy trình vận hành, qua đó tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị, đồng thời gia tăng mức độ hài lòng của người lao động và khách hàng. Những quyết sách nhất quán và phù hợp đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững của LAWACO.

2.3 Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2025:

- Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT tổ chức và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của LAWACO.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, quyết định các định hướng lớn của LAWACO, kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất-kinh doanh LAWACO, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của LAWACO và các cổ đông.

- Các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai kịp thời đến từng bộ phận sản xuất-kinh doanh, người lao động; kết quả thực hiện đều được phản ánh thường xuyên bằng văn bản hàng tháng, quý năm và từng chuyên đề.

- Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, tùy theo lĩnh vực được phân công các thành viên HĐQT và người được HĐQT ủy quyền đã tham dự đủ các buổi họp chuyên môn của BDH tổ chức, các ý kiến phát biểu đều được hội ý thống nhất trong HĐQT để tham gia đóng góp chỉ đạo, xây dựng kịp thời mang tính hiệu quả cao.

II. Mối quan hệ công tác:

- Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý dứt điểm từng vấn đề, vụ việc, hạn chế tồn đọng kéo dài.

- HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định để các thành viên HĐQT điều hành cùng với BDH triển khai và bộ máy thực hiện; HĐQT kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS. HĐQT chủ động mời họp và gửi tài liệu tham khảo cho BKS trước các phiên họp theo quy định như đối với thành viên HĐQT. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của BKS trong quá trình họp cũng như báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát của BKS.

III. Công tác giám sát đối với hoạt động của TGD và BDH:

Việc giám sát hoạt động của TGD và các thành viên BDH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, Quy chế của LAWACO và quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT điều hành, những người được ủy quyền đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu sản xuất-kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt;

- Các đề xuất của TGD, BDH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận kỹ lưỡng tại các cuộc họp HĐQT, sau khi HĐQT quyết nghị, quyết định được chuyển cho TGD và BDH sớm nhất để tổ chức thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện TGD và BDH đã thường xuyên kịp thời báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện bằng văn bản cho HĐQT.

- HĐQT đã theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là hoạt động tài chính của LAWACO qua các báo cáo định kỳ của TGD. HĐQT giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch tháng, quý, năm thông qua các kênh báo cáo chính thức của BDH.

- HĐQT đã tích cực phối hợp thông qua công tác kiểm tra giám sát của BKS giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của LAWACO để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động sản xuất-kinh doanh của LAWACO.

- HĐQT ghi nhận và đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và nỗ lực của TGD và BDH trong công tác điều hành hoạt động Công ty. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn chịu nhiều tác động từ yếu tố khách quan, TGD và BDH đã thể hiện sự linh hoạt trong quản trị, kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, đồng thời chủ động tận dụng các điều kiện thuận lợi để duy trì ổn định hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. Thù lao, tiền lương và chi phí của HĐQT và ban kiểm soát năm 2025:

1. Thù lao:

Việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 và các quy định nội bộ của LAWACO, cụ thể như sau:

- Thù lao HĐQT: 1.152.000.000 đồng, đạt 100% so với Kế hoạch;
- Thù lao thành viên BKS: 225.600.000 đồng, đạt 100% so với Kế hoạch.

2. Tiền lương của trưởng ban Kiểm soát: 480.000.000 đồng, đạt 100% so với Kế hoạch.

3. Chi phí: Trong năm HĐQT, BKS không sử dụng chi phí của LAWACO (*Chi tiết xem tờ trình số 09*).

V. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025

1. Thực hiện Kế hoạch: đã đạt các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % Thực hiện/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	368.411	367.617	99,78%
2	Lợi nhuận trước thuế	95.136	100.773	105,93%
3	Tỷ lệ thất thoát	17,00%	17,00%	100,00%

- Trong năm 2025, mặc dù bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, nhu cầu tiêu thụ nước tại một số khu vực có thời điểm chững lại và giá bán nước bình quân giảm nhẹ, LAWACO vẫn duy trì hoạt động SXKD ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đặt ra, trong đó nhiều chỉ tiêu quan trọng ghi nhận kết quả tích cực. Tổng doanh thu đạt 367.617 triệu đồng, đạt 99,78% kế hoạch. Sản lượng nước thương phẩm đạt 26,379 triệu m³, bằng 97,36% kế hoạch, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của khách hàng trên địa bàn. Đặc biệt, nhờ tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu hóa vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, lợi nhuận trước thuế đạt 100.773 triệu đồng, vượt 5,93% kế hoạch. Công tác quản lý thất thoát tiếp tục được

chú trọng, với tỷ lệ thất thoát nước là 17%, đạt mục tiêu kế hoạch và thấp hơn tỷ lệ thất thoát năm 2024 là 0,94%, cho thấy nỗ lực không nhỏ của doanh nghiệp trong việc tiết kiệm tài nguyên nước và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt của Ban điều hành trong công tác tổ chức sản xuất, điều phối nguồn nước và kiểm soát chi phí, giúp Công ty duy trì ổn định doanh thu trong bối cảnh còn nhiều thách thức, đồng thời vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra. Kết quả này cho thấy định hướng tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa quản trị nội bộ và kiểm soát thất thoát nước là phù hợp và mang lại hiệu quả thiết thực. Việc đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý đã tiếp tục góp phần củng cố uy tín, vị thế của LAWACO trên địa bàn.

2. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 (Tờ trình số 07/2025):

- HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

- Báo cáo kiểm toán 2025 đã được Công ty kiểm toán thực hiện đúng thời gian quy định, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của LAWACO tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 (Tờ trình số 8/2025):

a) Phân phối lợi nhuận:

Đã thực hiện theo nội dung trình đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển	: 4.755.325.907 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 22.439.987.484 đồng
- Thù lao HĐQT và thành viên BKS	: 1.377.600.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	: 48.225.600.000 đồng, tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ: 6,12%.

b) Chia cổ tức cho cổ đông:

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025, đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, mức cổ tức chi trả là: 6,12% vốn điều lệ (612 đồng/01 cổ phần) và hoàn thành trong tháng 07/2025.

VI. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH:

1. Về phân công công tác trong BDH

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trong năm 2024, TGD đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên BDH phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài vai trò điều hành chung, TGD đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể, tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong BDH phát huy cao nhất chuyên môn, năng lực, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng cao năng suất công việc.

2. Về hoạt động điều hành của TGD

- TGD đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của LAWACO tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ LAWACO. BDH đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ TGD và các nhân sự quản lý điều hành khác về kết quả hoạt động LAWACO.

- Nhìn chung, tập thể Ban điều hành LAWACO đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành LAWACO, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động LAWACO một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất-kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào ngày 24/4/2026 tại Đà Lạt

2. Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện thành công Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2026 bảo đảm hoàn thành tốt Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu cụ thể như sau (chi tiết xem tờ trình số 05):

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025
1	Doanh thu tổng	đồng	361.970.000.000	367.617.145.000
2	Doanh thu SX chính	đồng	323.939.000.000	319.621.707.076
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17%	17%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	91.726.000.000	100.772.998.981
5	Cổ tức	%	6,14	6,12

- Doanh thu hoạt động cốt lõi của công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch với giá bán nước sạch được cơ quan quản lý kiểm soát chặt chẽ về lợi nhuận định mức nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận cho người dân, dẫn đến biên lợi nhuận thấp cụ thể giới hạn 1.500 đồng/m³ (thông tư 44/2021/TT-BTC) và hạn chế tính linh hoạt trong việc điều chỉnh giá theo biến động chi phí đầu vào, tuy nhiên với quyết tâm công ty nhất trí phấn đấu tăng 1,3% doanh thu hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch trong năm 2026 so với năm 2025 nhằm bù đắp khoản thu về lãi tiền gởi giảm 100 tỷ do phải đầu tư để thực hiện nâng cấp, sửa chữa hệ thống, xây dựng thêm nhà máy mới, thực hiện chống thất thoát...);

- Quyết tâm giải quyết tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước LAWACO phụ trách như tiếp tục xúc tiến đàm phán mua nước của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm hoặc đàm phán mua lại nhà máy xử lý nước Tuyên Lâm của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm; đẩy nhanh tiến trình đầu tư đường ống chuyển tải từ Nhà máy Đan kia 1 về Đà Lạt; nâng công suất Nhà máy Đan kia 1 từ 25.000 m³/ngđ lên 49.000 m³/ngđ, xây dựng mới nhà máy nước mặt ở xã Bảo Lâm, cải tạo hệ thống cấp nước các khu vực nước yếu, khai thác nguồn mới bổ cập cho các khu vực nguồn bị ô nhiễm, cạn kiệt.

- Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp theo.

- Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát hoàn thiện Phương án chống thất thoát để có giải pháp toàn diện, triệt để hơn để đạt được hiệu quả chống thất thoát như chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Chỉ đạo rà soát, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và các chi phí khác để tối ưu lợi nhuận; xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") đặc biệt chú ý đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành.

- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để tiếp cận thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO trước mắt xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh để tiết kiệm chi phí điện năng trong sản xuất.

- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, ngành hàng, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trong vùng cấp nước được phân định với mục tiêu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đi đôi với hiệu quả kinh tế.

- Chỉ đạo đảm bảo nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo chất lượng kỹ thuật và an toàn, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Tổ chức rà soát lại các quy định, quy chế quản trị nội bộ để bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước; Quản lý có hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn, dòng tiền tại Công ty.

Kính thưa Quý Cổ đông và Quý vị đại biểu, trên đây là đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 kính trình Đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và mong rằng tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác hơn nữa của Quý vị cổ đông; Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của LAWACO. Kính chúc quý cổ đông, quý vị đại biểu sức khỏe và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- ĐHĐCD 2026;
- HĐQT, BKS;
- Đăng website;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



BÁO CÁO

Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Lawaco;
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả kinh doanh của Lawaco; Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc năm 2025 như sau:

I. Kết quả công tác giám sát của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2025, Lawaco đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định pháp luật đối với Công ty cổ phần đại chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh, việc thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên; BCTC năm, soát xét số liệu, chứng từ kế toán, BKS có một số nhận xét như sau:

1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo phát triển, an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được giám sát, đảm bảo đúng định hướng đề ra thông qua công tác giám sát, kiểm tra hàng quý do BKS thực hiện.

Công ty thực hiện tốt việc quản lý, vận hành mạng lưới phục vụ công tác cấp nước an toàn liên tục trên địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng. Công ty tập trung thực hiện các công trình xây dựng cơ bản kết hợp đồng thời với việc chỉnh trang đô thị tại địa phương, đặc biệt là công tác dò tìm, sửa ống bể ngầm chống thất thoát nước. Với nhiều nỗ lực thông qua việc tăng cường kiểm tra rò rỉ, cải tạo hạ tầng thay thế các tuyến ống cũ mục, quản lý áp lực nước... tỷ lệ thất thoát nước bình quân đạt 17% hoàn thành kế hoạch năm 2025, góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 367,6 tỷ đồng đạt 99,8%; Tổng lợi nhuận trước thuế là 100,7 tỷ đồng đạt 105,9% so với kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao.

Công tác sản xuất, kinh doanh nước sạch: Doanh thu nước sạch năm 2025 đạt 96,6% so với kế hoạch và 99,2% so với thực hiện năm 2024. Công tác quản lý, điều hành mạng lưới cung cấp nước sạch tiếp tục được mở rộng trên địa bàn thành phố Đà Lạt; Tình hình chất lượng dịch vụ cơ bản được đảm bảo. Sản lượng nước thương phẩm đạt 26,379 triệu m³, bằng 98,83% so với năm 2024, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của khách hàng thuộc phạm vi cấp nước trên địa bàn.



Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm đã triển khai thực hiện 392 công trình với tổng mức đầu tư là 90,3 tỷ đồng, ưu tiên đầu tư lắp đặt các tuyến ống cấp nước tại các điểm bất lợi; Xây dựng trạm bơm tăng áp MăngLin; Lắp đặt hệ thống châm hoá chất tự động, thiết bị quan trắc online, quan trắc lưu lượng và chất lượng nước tại các nhà máy sản xuất nước...

Tổng tài sản trong năm 2025 tăng 27,9 tỷ đồng (Tổng tài sản tăng năm 2024 là 30,2 tỷ đồng). Tài sản tăng trong năm chủ yếu từ đầu tư các các tuyến ống cấp nước cho khách hàng khoảng 6,7 tỷ đồng; Thiết bị điều khiển từ xa, hệ thống tủ điện, kiểm định đồng hồ ~ 4,5 tỷ đồng; 10 bộ điều khiển van ~ 2,5 tỷ đồng; Hệ thống châm hoá chất khu vực Đà Lạt ~ 2,5 tỷ đồng; Đồng hồ 300,200,150,100 ~ 2,1 tỷ đồng; Lắp đặt quan trắc online các nhà máy ~ 1,8 tỷ đồng; Trang bị mới 02 xe ô tô ~ 1,6 tỷ đồng...

Dịch vụ thoát nước: cơ bản thực hiện tốt dịch vụ thoát nước theo hợp đồng với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác công trình Thuỷ lợi Đà Lạt (Nay là Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Đà Lạt). Công ty đã lập và ban hành nhiều biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất, sự cố môi trường.

Bên cạnh các công tác Công ty đã thực hiện được, BKS cũng có một số kiến nghị cần lưu ý:

+ Công tác sản xuất nước sạch: tiếp tục khắc phục các điểm thiếu nguồn nước, cấp nước không liên tục tại một số nơi như: nhà máy nước Bảo Lâm, Nam Ban và một số điểm bất lợi tại khu vực Đà Lạt. Tiếp tục triển khai ứng dụng khoa học công nghệ giúp nâng cao hiệu quả trong các hoạt động, tăng mức độ an toàn trong sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cần phân tích, đánh giá thêm các số liệu về nguồn nước cả về chất lượng lẫn sản lượng, đặc biệt là tình hình nắng nóng như hiện nay; Tính hiệu quả của công tác phát triển khách hàng; Tiếp tục phát triển các kênh kết nối trong công tác thu tiền của khách hàng, đánh giá công tác ghi thu đồng thời, nhằm đẩy mạnh và phát huy chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số của Chính phủ.

+ Công tác xả thải: chỉ số amoni còn chưa ổn định so với giấy phép môi trường do UBND Tỉnh Lâm Đồng cấp; Lượng bùn thải còn tồn đọng nhiều tại nhà máy, các máy móc và thiết bị đã xuống cấp. Công ty đã có báo cáo với đại diện chủ sở hữu để từng bước khắc phục các tồn tại.

2/ Thực hiện chế độ kế toán, BCTC và kết quả sản xuất kinh doanh:

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). BKS luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhập kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Thực hiện		Tỷ lệ % 2025/2024
		Năm 2025	Năm 2024	
1	Tổng tài sản, trong đó:	1.179.680.760.187	1.197.826.436.551	98,49%
	+ Tài sản ngắn hạn	98.515.942.483	89.887.963.601	109,60%
	+ Tài sản dài hạn	1.081.164.817.704	1.107.938.472.950	97,58%
2	Nguồn vốn	1.179.680.760.187	1.197.826.436.551	98,49%
	+ Nợ phải trả	208.485.730.510	229.116.313.324	91,00%
	+ Vốn chủ sở hữu	971.195.029.677	968.710.123.227	100,26%
3	Vốn điều lệ	788.000.000.000	788.000.000.000	100,00%
4	Tổng doanh thu	367.617.145.000	389.626.672.978	94,35%
5	Tổng chi phí	266.844.146.019	264.955.159.615	100,71%
6	Lợi nhuận trước thuế	100.772.998.981	124.671.513.363	80,83%
7	Lợi nhuận sau thuế	80.369.210.298	99.701.980.942	80,61%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	10,20%	12,65%	80,61%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	682	901	75,69%

- Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động
Tỷ suất LN thuần HĐKD/DTT	31,8%	39,2%	-7,4%
Tỷ suất GVHB/DTT	72,9%	71,4%	1,5%
Tỷ suất Chi phí lãi vay/DTT	3,5%	3,9%	-0,4%
Tỷ suất CPBH/DTT	1,7%	1,3%	0,4%
Tỷ suất CPQLDN/DTT	5,1%	5,7%	-0,7%
Tỷ suất LNST/DTT	25,1%	31,2%	-6,0%



TT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Biến động
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	91,65%	92,50%	-0,85%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	8,35%	7,50%	0,85%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	17,67%	19,13%	-1,45%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	82,33%	80,87%	1,45%
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	21,47%	23,65%	-2,18%
3	Khả năng thanh toán nhanh			
	Khả năng thanh toán nhanh [(Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn]	0,74	1,23	-0,48
	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,42	1,34	0,08
4	Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024	
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	6,76%	8,39%	-1,63%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,15%	31,19%	-6,04%
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	8,29%	10,28%	-1,99%

Kết thúc năm 2025, các chỉ tiêu hoạt động của Công ty nhìn chung cơ bản hoàn thành sát với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thương niên thông qua, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được duy trì ổn định.

Tổng doanh thu của Công ty đạt hơn 367,6 tỷ đồng, tăng 5,9 % so với kế hoạch đề ra, bằng 94,35% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 319,6 tỷ đồng, tương đương 99,98% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế đạt 100,7 tỷ đồng, vượt 5,93% so với kế hoạch; đạt 80,61% so với thực hiện năm 2024.

Các chỉ số ROE, ROA ghi nhận lần lượt đạt 8,3%; 6,8%; Tương ứng giảm 2,0% và 1,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả vẫn duy trì ở mức tốt.

Cơ cấu nguồn vốn không thay đổi.

II. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Điều hành (BDH):

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý của Lawaco trong năm 2025, BKS chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.

1. Giám sát đối với HĐQT:

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ của Lawaco.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, đã ban hành 06 nghị quyết và 05 quyết định trong năm 2025. Trong các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, kịp thời định hướng, chỉ đạo các chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chất vấn các hoạt động của BDH trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh.

2. Giám sát đối với Ban Giám đốc/Ban Điều hành:

- BDH đã thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BDH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

- BDH cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và thảo luận, bàn bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua.

3. Về kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, BKS xin nêu tóm lược như sau:

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2025 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2025		Tỷ lệ hoàn thành
		Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	368.411.000.000	367.617.145.000	99,8%
2	Doanh thu sản xuất chính	328.314.000.000	319.621.707.076	97,4%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	95.136.000.000	100.772.998.981	105,9%
4	Tổng quỹ lương	58.399.000.000	58.832.000.000	100,7%
5	Tỷ lệ thất thoát	17%	17%	Đạt KH
6	Chia cổ tức năm 2024	6,12%		Đã hoàn thành

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính được giao: Lợi nhuận trước thuế vượt 5,9%; Tỷ thất thoát đạt kế hoạch là 17%.

Để duy trì tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới, kiến nghị BDH tiếp tục theo dõi tình hình, đánh giá các ảnh hưởng, phát huy các mặt đạt được, từ đó đề ra kế hoạch thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 phù hợp với tình hình chung đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 và cổ tức cho các cổ đông.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH, các cán bộ quản lý và cổ đông:

1. Trong năm 2025, giữa BKS với HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HDQT đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với BĐH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HDQT, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HDQT, BĐH với tư cách là giám sát và đại diện cổ đông.

2. Đối với cổ đông: BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Lawaco.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HDQT, BĐH năm 2025 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Thay mặt BKS tôi xin chân thành cảm ơn HDQT, BĐH, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

I. Thành viên và cơ cấu của BKS:

BKS hoạt động từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban
- Ông Phạm Văn Khoa – Thành viên
- Bà Nguyễn Thy Phương – Thành viên

II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra.
2. Tham dự đầy đủ và có ý kiến, báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Lawaco; các phiên họp của BKS (tham dự trực tiếp và trực tuyến).
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
5. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu chứng từ kế toán, tiền lương, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản và báo cáo quản trị Công ty.
6. Giám sát việc thực hiện các quy chế nội bộ Công ty đã ban hành. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiến nghị xây dựng mới các quy chế, quy trình,... cần thiết liên quan đến quản lý nội bộ doanh nghiệp như các chính sách quản trị, hay phân cấp chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận,... tạo công cụ hữu ích trong công tác quản lý tại doanh nghiệp.
7. Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.



8. Tổng kết các báo cáo đã thực hiện trong năm 2025:

- Xây dựng và ban hành chương trình công tác kiểm soát năm 2025 thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính; Soát xét số liệu kế toán; Báo cáo tình hình phải thu, phải trả của Công ty; Đánh giá việc phân phối tiền lương; Nghĩa vụ đối với Nhà nước,.. thực hiện trong năm 2025.
- Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm 2025.
- Báo cáo kết quả kiểm tra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 và cả năm 2025; So với kế hoạch đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025.
- Đánh giá quy trình quản lý nợ, nhờ thu, hoàn trả, thanh toán tiền nước của khách hàng.
- Đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025.

* **Đánh giá:** Nhìn chung BKS đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2025 đề ra. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của BKS nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026:

1. Nội dung:

Chương trình hoạt động của BKS tập trung vào những nội dung chính sau:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.
- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2026 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
- Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng Pháp luật hiện hành, Điều lệ Lawaco, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của BKS.

- Căn cứ và sự phân công trong BKS và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên BKS chủ động xây dựng nội dung làm việc và thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh
Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

SỐ 01

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế iCPA kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành với các nội dung như sau:

Đvt: VNĐ

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
I	Vốn điều lệ	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	971.195.029.677
III	Tổng tài sản	1.179.680.760.187
1	Tài sản ngắn hạn	98.515.942.483
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	44.385.496.387
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.001.096.381
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	38.649.843.058
	- Hàng tồn kho	8.479.506.657
	- Tài sản ngắn hạn khác	0
2	Tài sản dài hạn	1.081.164.817.704
	- Các khoản phải thu dài hạn	0
	- Tài sản cố định	425.155.640.937
	- Tài sản dở dang dài hạn	4.792.902.530
	- Đầu tư tài chính dài hạn	637.970.000.000
	- Tài sản dài hạn khác	13.246.274.237
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	319.621.707.076
2	Giá vốn hàng bán	232.887.009.288
Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền

3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.734.697.788
4	Doanh thu hoạt động tài chính	47.631.866.739
5	Chi phí tài chính	11.159.185.190
6	Chi phí bán hàng	5.394.462.950
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.169.207.111
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.643.709.276
9	Thu nhập khác	363.571.185
10	Chi phí khác	1.234.281.480
11	Lợi nhuận khác	(870.710.295)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.772.998.981
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.469.426.871
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(65.638.188)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.369.210.298

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo tài chính (xem báo cáo tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	8 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hưng Cường
Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số: 2345/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Thị Toán
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2024-072-1


Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.515.942.483	89.887.963.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.385.496.387	38.574.107.095
1. Tiền	111		34.184.794.788	38.574.107.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.200.701.599	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.001.096.381	13.839.258.639
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	7.001.096.381	13.839.258.639
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.649.843.058	29.838.009.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.252.656.098	5.619.374.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.919.350.240	605.216.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	27.769.138.770	27.641.994.229
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.291.302.050)	(4.028.575.001)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.479.506.657	7.636.588.074
1. Hàng tồn kho	141		11.673.687.281	11.108.353.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.194.180.624)	(3.471.765.433)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.081.164.817.704	1.107.938.472.950
I. Tài sản cố định	220		425.155.640.937	436.786.389.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	423.718.104.222	435.150.000.891
- Nguyên giá	222		1.078.328.801.949	1.051.140.694.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654.610.697.727)	(615.990.693.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.437.536.715	1.636.388.536
- Nguyên giá	228		2.558.591.000	2.558.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.121.054.285)	(922.202.464)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.792.902.530	2.583.504.908
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	4.792.902.530	2.583.504.908
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		637.970.000.000	653.220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	637.970.000.000	653.220.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.246.274.237	15.348.578.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.155.624.614	8.889.010.916
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	825.275.245	759.637.057
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	4.265.374.378	5.699.930.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.179.680.760.187	1.197.826.436.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		208.485.730.510		229.116.313.324	
I. Nợ ngắn hạn	310		69.276.098.246		67.129.451.483	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	11.823.383.061		12.559.524.866	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	304.235.314		477.556.514	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.709.020.191		8.865.696.549	
4. Phải trả người lao động	314		13.246.663.230		9.545.493.678	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.350.858.610		3.497.894.566	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.423.625.647		1.622.279.113	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239		22.793.678.239	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.624.633.954		7.767.327.958	
II. Nợ dài hạn	330		139.209.632.264		161.986.861.841	
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	521.966.354		505.517.706	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	138.687.665.910		161.481.344.135	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		971.195.029.677		968.710.123.227	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	971.195.029.677		968.710.123.227	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000		788.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000		788.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705		28.512.122.705	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.057.709.405		19.057.709.405	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.039.241.420		22.107.785.803	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.255.431.775		99.701.980.942	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		79.255.431.775		99.701.980.942	
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372		11.330.524.372	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.179.680.760.187		1.197.826.436.551	

Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vi
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	319.621.707.076	319.686.229.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		319.621.707.076	319.686.229.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	232.887.009.288	228.189.224.122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		86.734.697.788	91.497.005.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.631.866.739	69.321.134.697
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.159.185.190	13.146.708.517
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.159.185.190	12.555.962.887
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.394.462.950	4.198.670.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.169.207.111	18.258.831.871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		101.643.709.276	125.213.929.093
11. Thu nhập khác	31	VI.7	363.571.185	619.308.666
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.234.281.480	1.161.724.397
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	(870.710.295)	(542.415.731)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.772.998.981	124.671.513.362
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	20.469.426.871	25.279.553.884
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(65.638.188)	(310.021.464)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		80.369.210.298	99.701.980.942
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	682	901
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	682	901


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng





Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 3 năm 2026


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	344.704.398.263	345.925.385.987
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(156.917.515.039)	(150.820.547.637)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49.250.872.716)	(51.009.053.731)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.327.390.393)	(12.730.507.260)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(23.030.934.910)	(22.959.785.718)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.623.180.441	12.408.781.896
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(70.208.030.478)	(64.399.560.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.592.835.168	56.414.712.666
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.456.145.874)	(31.038.388.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	435.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(615.656.541.938)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.655.369.863	555.839.258.639
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	26.435.003.200
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.881.108.360	70.254.417.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.080.332.349	6.269.248.290
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.778.225)	(22.793.678.219)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.068.000.000)	(40.188.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(70.861.778.225)	(62.981.678.219)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.811.389.292	(297.717.263)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.574.107.095	38.871.824.358
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	44.385.496.387	38.574.107.095


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu và qua các lần điều chỉnh, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 15 tháng 7 năm 2025 do thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 363 người và 371 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Đà Lạt	Phường Langbiang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Lâm Hà	Xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Xã Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc là các xí nghiệp, nhà máy nước. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)**Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	1 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Một phần tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 244 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành từ ngày 28 tháng 10 năm 2023.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước** (tiếp theo)Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ phải trả về thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính nhưng không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	72.805.111	73.085.690
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.111.989.677	38.501.021.405
Các khoản tương đương tiền (i)	10.200.701.599	-
Cộng	44.385.496.387	38.574.107.095

(i) Số dư cuối kỳ là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	2.377.336.487	2.117.470.920
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác		
Công trình Thủy lợi Đà Lạt	2.304.567.807	2.550.288.718
Các đối tượng khác	570.751.804	951.614.521
Cộng	5.252.656.098	5.619.374.159

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	9.596.724.179	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	274.376.060	164.882.000
Các đối tượng khác	48.250.001	440.334.406
Cộng	9.919.350.240	605.216.406

Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước để thi công xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng thi công xây lắp số 46/2025/HĐ-CTN-WSC ngày 02 tháng 7 năm 2025 đã ký giữa hai bên.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	23.229.696.218	23.478.937.839
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	2.262.265.614	2.262.265.614
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát chờ quyết toán (ii)	1.010.240.000	1.010.240.000
Các khoản ký quỹ	206.500.000	221.380.000
Các khoản phải thu khác	1.060.436.938	669.170.776
Cộng	27.769.138.770	27.641.994.229

(i) Số dư thể hiện khoản phải thu phần chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc Dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này trong các năm tài chính trước.

(ii) Đây là khoản tạm ứng thù lao trong năm cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế trong năm sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.029.036.810	-	(2.029.036.810)	1.766.309.801	-	(1.766.309.801)
Phải thu ngắn hạn khác	2.262.265.240	-	(2.262.265.240)	2.262.265.200	-	(2.262.265.200)
Cộng	4.291.302.050	-	(4.291.302.050)	4.028.575.001	-	(4.028.575.001)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(4.028.575.001)	(3.961.814.001)
Dự phòng trong năm	(262.727.049)	(66.761.000)
Số dư cuối năm	(4.291.302.050)	(4.028.575.001)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	10.167.765.156	(3.194.180.624)	9.737.232.268	(3.471.765.433)
Công cụ, dụng cụ	1.505.922.125	-	1.341.433.723	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	29.687.516	-
Cộng	11.673.687.281	(3.194.180.624)	11.108.353.507	(3.471.765.433)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(3.471.765.433)	(3.099.513.166)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng bổ sung trong năm	277.584.809	(372.252.267)
Số dư cuối năm	(3.194.180.624)	(3.471.765.433)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	217.007.344.042	69.091.947.400	669.182.282.286	52.322.724.414	43.536.396.055	1.051.140.694.197
Mua trong năm	2.763.421.448	4.455.524.482	1.968.645.890	2.556.826.106	1.152.868.588	12.897.286.514
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.457.666.356	4.209.070.818	6.375.886.711	1.184.612.618	1.063.584.735	14.290.821.238
Số dư cuối năm	221.228.431.846	77.756.542.700	677.526.814.887	56.064.163.138	45.752.849.378	1.078.328.801.949
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.196.613.408	37.952.554.636	389.412.101.658	34.581.623.280	17.847.800.324	615.990.693.306
Khấu hao trong năm	6.296.535.584	5.063.445.914	19.815.849.186	5.164.001.158	2.280.172.579	38.620.004.421
Số dư cuối năm	142.493.148.992	43.016.000.550	409.227.950.844	39.745.624.438	20.127.972.903	654.610.697.727
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	80.810.730.634	31.139.392.764	279.770.180.628	17.741.101.134	25.688.595.731	435.150.000.891
Số dư cuối năm	78.735.282.854	34.740.542.150	268.298.864.043	16.318.538.700	25.624.876.475	423.718.104.222

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và đầu năm lần lượt là 232.655.741.518 đồng và 222.505.829.626 đồng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày cuối năm và đầu năm lần lượt là 246.610.939.265 đồng và 263.505.731.349 đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.19).

Trong năm 2025, Công ty đang triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị đầu tư đã được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua là 41 tỷ đồng. Như đã trình bày tại thuyết minh số V.3, Công ty đã ký Hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước để triển khai dự án này với giá trị ứng trước đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9.596.724.179 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	737.591.000	1.821.000.000	2.558.591.000
Số dư cuối năm	737.591.000	1.821.000.000	2.558.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	224.117.807	698.084.657	922.202.464
Khấu hao trong năm	14.751.820	184.100.001	198.851.821
Số dư cuối năm	238.869.627	882.184.658	1.121.054.285
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	513.473.193	1.122.915.343	1.636.388.536
Số dư cuối năm	498.721.373	938.815.342	1.437.536.715

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các dự án cải tạo, lắp đặt đường ống cấp nước	2.401.527.985	1.037.602.341
Dự án trạm bơm tăng áp Măng Lin (i)	909.998.382	-
Các dự án khác	1.481.376.163	1.545.902.567
Cộng	4.792.902.530	2.583.504.908

(i) Số dư thể hiện các chi phí ban đầu của dự án đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.7), bao gồm chi phí tư vấn, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi; tư vấn, thẩm tra thiết kế; tư vấn, thẩm tra hồ sơ thầu ...

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	2.583.504.908	1.476.219.649
Chi phí đầu tư trong năm	24.563.898.542	22.242.627.482
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.290.821.238)	(16.920.439.522)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(4.075.807.798)	(3.096.645.039)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(3.987.871.884)	(1.118.257.662)
Số dư cuối năm	4.792.902.530	2.583.504.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	7.001.096.381	7.001.096.381	13.839.258.639	13.839.258.639
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	637.970.000.000	637.970.000.000	653.220.000.000	653.220.000.000
Tổng cộng	644.971.096.381	644.971.096.381	667.059.258.639	667.059.258.639

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Chủ trương này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền hiện nay đang được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Lâm Đồng với kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 84 tháng. Lãi suất tiền gửi áp dụng trong năm dao động trong khoảng từ 4,75% đến 8,0%/năm.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	4.734.694.365	6.633.775.071
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.566.690.399	2.188.413.314
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	1.133.411.550	66.822.531
Chi phí trả trước dài hạn khác	720.828.300	-
Cộng	8.155.624.614	8.889.010.916

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 7 năm.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	8.889.010.916	10.637.879.499
Phát sinh trong năm	1.327.936.275	1.091.094.163
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.339.995.381	1.116.467.682
Phân bổ chi phí trong năm	(3.401.317.958)	(3.956.430.428)
Số dư cuối năm	8.155.624.614	8.889.010.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	759.637.057	449.615.593
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	65.638.188	310.021.464
Số dư cuối năm	825.275.245	759.637.057

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại

20%

Công ty ghi nhận chi phí tổn thất của hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ thanh lý hàng tồn kho. Do vậy các khoản dự phòng đã trích lập cho những hàng tồn kho này đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng giá trị là 4.126.376.225 đồng. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	5.766.885.582	(1.501.511.204)	4.265.374.378	6.597.251.524	(897.320.882)	5.699.930.642

Tình hình biến động dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(897.320.882)	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(604.190.322)	(897.320.882)
Số dư cuối năm	(1.501.511.204)	(897.320.882)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	9.801.519.412	11.068.017.786
Trung tâm Quản lý Đầu tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	588.870.000	772.672.500
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Thanh Dung	411.048.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	282.524.400	148.897.100
Các đối tượng khác	739.421.249	569.937.480
Cộng	11.823.383.061	12.559.524.866

Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia là tiền chi phí mua nước sạch tháng 11 và 12 năm 2025 theo hợp đồng mua bán số 01-01/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHĐ/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đã ký giữa hai bên.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Hoàng Gia DL	200.343.892	200.343.892
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	103.891.422	81.597.911
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	137.994.613
Các đối tượng khác	-	57.620.098
Cộng	304.235.314	477.556.514

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	35.981.718	7.465.123.279	7.330.855.074	170.249.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.817.896.195	20.469.426.871	23.030.934.910	4.256.388.156
Thuế thu nhập cá nhân	186.062.017	1.930.172.175	1.617.264.122	498.970.070
Phí bảo vệ môi trường	1.731.336.006	21.885.109.574	21.927.462.125	1.688.983.455
Thuế tài nguyên	94.420.613	1.133.930.394	1.133.922.420	94.428.587
Tiền thuê đất	-	469.472.377	469.472.377	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	20.475.516	20.475.516	-
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Cộng	8.865.696.549	53.388.710.186	55.545.386.544	6.709.020.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thường và hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường và nước thải	2.019.469.731	2.019.987.954
Chi phí lãi vay	1.291.019.408	1.459.224.611
Các khoản chi phí phải trả khác	40.369.471	18.682.001
Cộng	3.350.858.610	3.497.894.566

18. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả về cổ phần hóa (i)	887.096.381	839.258.639
Các khoản phải trả khác	536.529.266	783.020.474
Cộng	1.423.625.647	1.622.279.113
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	521.966.354	505.517.706
Tổng cộng	1.945.592.001	2.127.796.819

(i) Số dư cuối kỳ phản ánh khoản phải trả cho các cổ đông phát sinh trong thời gian tài khoản ngân hàng bị phong tỏa phục vụ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Tại thời điểm báo cáo, Công ty đang phối hợp với các cổ đông để thống nhất phương án xử lý và thực hiện hoàn trả khoản tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem Thuyết minh b</i>)	22.793.678.239			22.793.678.239
b. Dài hạn				
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	134.653.425.808	-	16.831.678.226	151.485.104.034
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	26.827.918.341	-	5.961.999.999	32.789.918.340
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)			(22.793.678.239)
Cộng	138.687.665.910			161.481.344.135
Tổng cộng	161.481.344.149	-	22.793.678.225	184.275.022.374

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của khoản vay đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán.

(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ):

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ).

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Liên Trung, Xã Tân Hà Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng; Thôn Tầm Xá, Xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; thôn 6 xã Đa Huoai, tỉnh Lâm đồng; xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng; Thôn Hoà Bình Đ'ran, tỉnh Lâm Đồng; Trung Tâm xã Đam Rông 2, Tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, xã Đam Rông 2) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.239
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.239
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	47.512.952.948	70.306.631.173
Cộng	161.481.344.149	184.275.022.374
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
Số phải trả sau 12 tháng	138.687.665.910	161.481.344.135

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	7.767.327.958	3.681.085.206
Trích lập quỹ trong năm	27.324.925.325	21.679.322.745
Sử dụng quỹ trong năm	(25.467.619.329)	(17.593.079.993)
Số dư cuối năm	9.624.633.954	7.767.327.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	6.296.555.117	79.056.153.431	11.330.524.372	932.253.065.030
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.701.980.942	-	99.701.980.942
Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.188.000.000)	-	(40.188.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.679.322.745)	-	(21.679.322.745)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.811.230.686	(15.811.230.686)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Số dư đầu năm nay	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	99.701.980.942	11.330.524.372	968.710.123.227
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.369.210.298	-	80.369.210.298
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.068.000.000)	-	(48.068.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(27.324.925.325)	-	(27.324.925.325)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	22.931.455.617	(22.931.455.617)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành (i)	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(1.113.778.523)	-	(1.113.778.523)
Số dư cuối năm nay	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	45.039.241.420	79.255.431.775	11.330.524.372	971.195.029.677

(i) Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2024 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025.

(ii) Đây là khoản phải trả cho Nhà nước theo quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty (trước đây là Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Bà Trương Thị Mỹ An	-	-	-	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Các cổ đông khác	15.049.293	19,10%	150.492.930.000	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025, cổ tức năm 2024 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 48.068.000.000 đồng, tương ứng mức 610 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức này cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 4,85%, tương ứng lớn hơn hoặc bằng 485 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp**a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm Ngoại tệ	Số đầu năm Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,15	67,15

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000
Cộng	37.536.182	37.536.182

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	288.984.252.375	291.335.393.098
Doanh thu xử lý nước thải	19.350.691.055	19.315.104.870
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	10.326.720.467	7.808.891.099
Doanh thu khác	960.043.179	1.226.840.548
Cộng	319.621.707.076	319.686.229.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	206.111.177.391	203.089.436.820
Giá vốn xử lý nước thải	17.440.912.477	16.157.628.384
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	8.622.727.348	6.675.886.137
Giá vốn khác	385.586.560	996.699.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	326.605.512	1.269.573.149
Cộng	232.887.009.288	228.189.224.122

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	47.631.866.739	53.326.393.735
Lãi từ chuyển nhượng đầu tư vào công ty liên kết	-	15.309.740.962
Cổ tức được chia	-	685.000.000
Cộng	47.631.866.739	69.321.134.697

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	11.159.185.190	12.555.962.887
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	590.745.630
Cộng	11.159.185.190	13.146.708.517

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí duy trì đầu nối	5.342.312.656	4.133.468.134
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	52.150.294	65.202.575
Cộng	5.394.462.950	4.198.670.709

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.243.227.580	3.915.033.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	257.471.650	485.550.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	596.810.964	446.533.004
Thuế, phí và lệ phí	170.073.600	260.913.011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	263.969.385	66.761.000
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	11.637.653.932	13.084.040.464
Cộng	16.169.207.111	18.258.831.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**7. Thu nhập và chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	375.818.091
Các khoản thu nhập khác	363.571.185	243.490.575
Cộng	363.571.185	619.308.666
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.044.775.439	1.058.024.024
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	34.118.352	3.604.694
Các khoản chi phí khác	155.387.689	100.095.679
Cộng	1.234.281.480	1.161.724.397
Lỗ khác	(870.710.295)	(542.415.731)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.772.998.981	124.671.513.362
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	1.574.135.375	2.411.256.057
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(685.000.000)
Thu nhập chịu thuế	102.347.134.356	126.397.769.419
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	102.347.134.356	126.397.769.419
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.469.426.871	25.279.553.884

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.447.823.549	113.328.462.080
Chi phí nhân công	67.411.358.068	63.767.099.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.774.080.803	39.299.977.841
Chi phí duy trì đầu nối	5.342.312.656	4.133.468.134
Chi phí xăng xe, sửa chữa	4.584.185.633	4.472.658.824
Chi phí dự phòng	590.574.897	1.336.334.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	26.300.343.743	24.308.725.728
Cộng	254.450.679.349	250.646.726.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.369.210.298	99.701.980.942
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(26.641.749.499)	(28.702.525.325)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.727.460.799	70.999.455.617
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682	901

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 mà Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội thường niên sắp tới.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Ông Phan Đình Tân
Ông Nguyễn Hùng Cường

Chủ tịch hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị,
kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị,
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Hùng
Ông Đỗ Văn Hạ
Ông Nguyễn Văn Dũng

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	617.519.975	639.791.875
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.764.459.352	1.547.634.552
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	250.511.984	243.907.126
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.070.833.890	973.446.562
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	250.511.984	195.079.156
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	48.827.968
		3.953.837.185	3.648.687.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm** (tiếp theo)

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	567.026.151	592.228.344
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	147.179.993	121.262.982
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	147.179.993	121.262.982
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	27.644.988
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	27.644.988
		861.386.137	890.044.284
Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	798.464.762	649.691.188

2. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng cho mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Cam kết không hủy ngang khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ký các hợp đồng/ cam kết không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa số 01-01/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHĐ/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về thay đổi đơn giá nước. Đơn giá nước sạch áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 là 6.132 đồng/m³ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực đến khi có phụ lục khác thay thế.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ) với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m³, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m³ và ngân sách cấp 3.063 đồng/m³.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên
Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 02

V/v thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026


Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Báo cáo Hội đồng quản trị đã được đại diện Hội đồng quản trị trình bày chi tiết tại Đại hội (xem báo cáo tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên

Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 03

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2025

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2025.

Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội (xem báo cáo tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên

Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 04

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp;
 - Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
 - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội (xem báo cáo tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông 2026 xem xét và thông qua:./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên

Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 05

Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cổ tức năm 2025 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 367.617.145.000 đồng
2. Doanh thu sản xuất kinh doanh: 319.621.707.076 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 17,00%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 100.772.998.981 đồng
5. Cổ tức: 6,12% (612 đồng/cổ phần)
6. Tổng quỹ lương thực hiện 2025: 58.831.070.800 đồng.

Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/2 và báo cáo tổng quỹ lương thực hiện 2025 (xem chi tiết tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đình Tân

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Stt	Chi Tiêu	Đvt	NĂM 2025 (SỐ LIỆU CÔNG TY)				KẾ HOẠCH NĂM 2026		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2026
			Kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên 2025	Thực Hiện 2025	Tỉ lệ % TH/KH 2025	% Tăng/Giảm TH/KH 2025	Kế hoạch 2026	Tỉ lệ % KH 2026/TH 2025	
I.	THÔNG TIN CHUNG								
1	Nước sản xuất	1.000 m ³	27.093	26.379	97,36	(2,64)	26.730	101,33	
	- Nước Công ty sản xuất	1.000 m ³	14.683	16.613	113,14	13,14	14.320	86,20	Công ty giảm sản lượng sản xuất 4.000 m ³ /ngày đêm để Cty CP Cấp Nước Tuyền Lâm tái cung cấp nước sạch cho Cty.
	- Nước mua Sài Gòn Đankia	1.000 m ³	10.950	9.766	89,19	(10,81)	10.950	112,12	VB 7517/UBND-XD2 ngày 15/11/2019 điều chỉnh lộ trình, tiếp nhận nước của Công ty CP SG Đankia 2: Năm 2026 là 30.000 m ³ /ngày đêm, với giá mua 6.132 đồng/m ³
	- Nước mua Tuyền Lâm	1.000 m ³	1.460	-	-	(100,00)	1.460	100,00	Cty CP Cấp Nước Tuyền Lâm chấm dứt hợp đồng mua bán nước sạch 56/HĐ-MBNS ngày 5/11/2021 vào ngày 12/06/2023. Kế hoạch năm 2026, Cty CP CNTL sẽ tái thương thảo bán nước sạch lại cho Cty, với giá mua 6.132 đồng/m ³ , bằng với giá mua nước của Cty CP SG Đankia2
2	Nước ghi thu- tiêu thụ	1.000 m ³	22.487	21.895	97,36	(2,64)	22.186	101,33	- Nước ghi thu kế hoạch 2026 chỉ tăng 1,33% so với thực hiện năm 2025, do: + Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt hộ dân cư chiếm 62,52% (13,69 triệu m ³). Trong đó, mức giá 1 Hộ dân cư (8.340 đồng/m ³) đang được hỗ trợ giá dưới giá thành sản xuất nước, chiếm tỷ trọng 38,88% (8,51 triệu m ³). + Đối tượng sử dụng nước của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng 26,41% (5,78 triệu m ³). Đối tượng này chịu giá cao 19.985 đồng/m ³ , tuy nhiên mức độ phát triển đối tượng khách hàng này hàng năm không tăng nhiều, chỉ gần 1%/1 năm. + Hoạt động sản xuất chính của Công ty hiện tại duy nhất là sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt. Mặt hàng nước sạch hiện do nhà nước quản lý và định giá. Lợi nhuận định mức tối đa của hoạt động sản xuất nước sạch theo thông tư 44/2021/TT-BTC là 1.500 đồng/m ³ . Do vậy, mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong năm kế hoạch 2026 không thể tăng mạnh được theo VB 226/ĐTKDV-CNMT ngày 26/2/2025 của Tổng Cty SCIC mà phụ thuộc vào tình hình thực tế tăng trưởng của đơn vị.
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17	17,00	100,00	(0,00)	17,00	100,00	
4	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	13.305	13.199	99,20	(0,80)	13.199	100,00	
II.	TỔNG DOANH THU (1+2+3)	Tr đồng	368.411	367.618	99,78	(0,22)	361.970	98,46	
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	328.314	319.622	97,35	(2,65)	323.939	101,35	
	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	299.202	288.984	96,58	(3,42)	292.827	101,33	- Doanh thu sản xuất nước sạch KH 2026 tăng 1,33 (+3.843 tỷ) so với TH 2025. Mức độ tăng trưởng KH 2026 phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, do: + Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt hộ dân cư chiếm 62,52% (13,69 triệu m ³). Trong đó, mức giá 1 Hộ dân cư (8.340 đồng/m ³) đang được hỗ trợ giá dưới giá thành sản xuất nước, chiếm tỷ trọng 38,88% (8,51 triệu m ³). + Đối tượng sử dụng nước của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng 26,41% (5,78 triệu m ³). Đối tượng này chịu giá cao 19.985 đồng/m ³ , tuy nhiên mức độ phát triển đối tượng khách hàng này hàng năm không tăng nhiều, chỉ gần 1%/1 năm. + Hoạt động sản xuất chính của Công ty hiện tại duy nhất là sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt. Mặt hàng nước sạch hiện do nhà nước quản lý và định giá. Lợi nhuận định mức tối đa của hoạt động sản xuất nước sạch theo thông tư 44/2021/TT-BTC là 1.500 đồng/m ³ . Do vậy, mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong năm kế hoạch 2026 không thể tăng mạnh được theo VB 226/ĐTKDV-CNMT ngày 26/2/2025 của Tổng Cty SCIC mà phụ thuộc vào tình hình thực tế tăng trưởng của đơn vị. + Sản lượng nước giá cao cho khách du lịch giảm do tình hình sân bay Liên Khương Đà Lạt đóng cửa nâng cấp trong 06 tháng năm 2026.
	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	8.042	10.327	128,41	28,41	10.534	102,00	- Doanh thu hoạt động XDDB KH 2026 tăng 2,0% (+0.207 tỷ) so với TH 2025

Stt	Chỉ Tiêu	Đvt	NĂM 2025 (SỐ LIỆU CÔNG TY)				KẾ HOẠCH NĂM 2026		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2026
			Kế hoạch theo NQ ĐHDCĐ Thường niên 2025	Thực Hiện 2025	Tỉ lệ % TH/KH 2025	% Tăng/Giảm TH/KH 2025	Kế hoạch 2026	Tỉ lệ % KH 2026/TH 2025	
	- Xử lý nước thải	Tr đồng	19.831	19.351	97,58	(2,42)	19.608	101,33	- Nước ghi thu tăng 1,33%, tương ứng khối lượng nước thải xử lý tăng 1,33%
	- Khác	Tr đồng	1.239	960	77,46	(22,54)	970	101,00	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr đồng	39.471	47.632	120,67	20,67	37.660	79,06	- Số dư TGNH tại 31/12/2025: 638 tỷ đồng. - Kế hoạch năm 2026: Giảm 100 tỷ TGNH để sử dụng nguồn tiền thực hiện dự án: Trạm bơm tăng áp Măng Lín (10 tỷ), Tuyến D600 từ NMN Đankia lên bể Tùng Lâm (20 tỷ), Bể lắng Lamel (10 tỷ), NMN nước mặt Bảo Lâm trạm bơm G1 BL (20 tỷ), Xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh, chuyển đổi số (10 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 từ Phát Chi đi Đran (13 tỷ), Cải tạo tuyến ống HDPE D140 từ trạm Xuân Trường đi Phát Chi (4,5 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 đường ĐT.725 cấp nước cho thị trấn Nam Ban (7,3 tỷ), các công trình khác (5,2 tỷ). - Lãi suất tiền gửi ngân hàng bình quân hiện nay: 7,0%/1 năm. - Số tiền lãi hoạt động tài chính KH 2026: (638 tỷ - 100 tỷ) * 7% = 37,66 tỷ đồng.
3	Doanh thu hoạt động khác	Tr đồng	625	364	58,22	(41,78)	371	102,00	
III.	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1+2+3)	Tr đồng	95.136	100.773	105,92	5,92	91.726	91,02	
1	Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	56.190	54.012	96,12	(3,88)	54.666	101,21	
	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	53.793	51.869	96,42	(3,58)	52.491	101,20	- Kế hoạch năm 2026: Giảm 100 tỷ TGNH để sử dụng nguồn tiền thực hiện dự án: Trạm bơm tăng áp Măng Lín (10 tỷ), Tuyến D600 từ NMN Đankia lên bể Tùng Lâm (20 tỷ), Bể lắng Lamel (10 tỷ), NMN nước mặt Bảo Lâm trạm bơm G1 BL (20 tỷ), Xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh, chuyển đổi số (10 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 từ Phát Chi đi Đran (13 tỷ), Cải tạo tuyến ống HDPE D140 từ trạm Xuân Trường đi Phát Chi (4,5 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 đường ĐT.725 cấp nước cho thị trấn Nam Ban (7,3 tỷ), các công trình khác (5,2 tỷ). - Khấu hao TSCĐ tăng 2,40 tỷ do đầu tư 04 dự án mới trong 2026. - Chi phí tiền điện tăng 4% mỗi 1 Quý trong năm 2026: 1 tỷ/1 năm + Hoạt động sản xuất chính của Công ty hiện tại duy nhất là sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt. Mặt hàng nước sạch hiện do nhà nước quản lý và định giá. Lợi nhuận định mức tối đa của hoạt động sản xuất nước sạch theo thông tư 44/2021/TT-
	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	669	1.184	176,95	76,95	1.202	101,50	
	- Xử lý nước thải	Tr đồng	1.586	443	27,93	(72,07)	449	101,33	- Lợi nhuận thực hiện trong định mức quy định của đơn giá được UBND phê duyệt.
	- Khác	Tr đồng	141	516	364,92	264,92	524	101,50	
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr đồng	39.471	47.632	120,67	20,67	37.660	79,06	- Số dư TGNH tại 31/12/2025: 638 tỷ đồng. - Kế hoạch năm 2026: Giảm 100 tỷ TGNH để sử dụng nguồn tiền thực hiện dự án: Trạm bơm tăng áp Măng Lín (10 tỷ), Tuyến D600 từ NMN Đankia lên bể Tùng Lâm (20 tỷ), Bể lắng Lamel (10 tỷ), NMN nước mặt Bảo Lâm trạm bơm G1 BL (20 tỷ), Xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh, chuyển đổi số (10 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 từ Phát Chi đi Đran (13 tỷ), Cải tạo tuyến ống HDPE D140 từ trạm Xuân Trường đi Phát Chi (4,5 tỷ), Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 đường ĐT.725 cấp nước cho thị trấn Nam Ban (7,3 tỷ), các công trình khác (5,2 tỷ). - Lãi suất tiền gửi ngân hàng bình quân hiện nay: 7,0%/1 năm. - Số tiền lãi hoạt động tài chính KH 2026: (638 tỷ - 100 tỷ) * 7% = 37,66 tỷ đồng.
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Tr đồng	(525)	(871)	-	-	(600)	68,89	
IV.	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr đồng	76.108,8	80.369	105,60	5,60	73.381	91,30	
V.	CỐ TỨC	Đồng/CP	485	612	126,19	26,19	614	100,33	
VI.	TỔNG CHI PHÍ (1+2+3)	Tr đồng	273.275	266.845	97,65	(2,35)	270.244	101,27	- Tổng chi phí trong năm tăng: 3,399 tỷ (+1,27%)
1	Tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	272.124	265.610	97,61	(2,39)	269.273	101,38	- Tổng chi phí kinh doanh tăng: 3,663 tỷ (+1,38%)

Stt	Chỉ Tiêu	Đvt	NĂM 2025 (SỐ LIỆU CÔNG TY)				KẾ HOẠCH NĂM 2026		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2026
			Kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên 2025	Thực Hiện 2025	Tỉ lệ % TH/KH 2025	% Tăng/Giảm TH/KH 2025	Kế hoạch 2026	Tỉ lệ % KH 2026/TH 2025	
1.1	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	245.409	237.115	96,62	(3,38)	240.336	101,36	- Chi phí kinh doanh nước sạch tăng: 3.221 tỷ (+1,36%) - Tăng chi phí mua nước do giá mua nước của Công ty CP Tuyền Lâm so với năm 2025; với giá 6.132 đồng/m ³ - Chi phí lãi vay phải trả trong năm tính vào giá thành sản xuất nước: 11,1 tỷ đồng/năm - Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí sửa chữa lớn trong năm cao: 38 tỷ đồng/năm - Chi phí điện năng tăng theo chu kỳ 4% mỗi Quý trong năm 2026
1.2	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	7.373	9.143	124,00	24,00	9.332	102,06	- Chi phí XDCB tăng: 0.189 tỷ (+2,06%)
1.3	- Xử lý nước thải	Tr đồng	18.245	18.908	103,64	3,64	19.159	101,33	- Chi phí xử lý nước thải tăng: 0.251 tỷ (+1,33%)
1.4	- Khác	Tr đồng	1.098	444	40,44	(59,56)	446	100,42	- Chi phí khác tăng: 0.002 tỷ (+0,42%).
2	Tổng chi phí hoạt động tài chính	Tr đồng	-	-	-	-	-	-	
3	Tổng chi phí hoạt động khác	Tr đồng	1.150	1.235	107,37	7,37	971	78,65	- Tổng chi phí khác giảm: -264 triệu (-21,35%).
VI.	TỔNG QUỸ TIỀN LƯƠNG	Tr đồng	58.398	58.831	100,74	0,74	59.886	101,79	
1	Tổng quỹ tiền lương CB-CNV	Tr đồng	56.113	56.607	100,88	0,88	57.631	101,81	- Quỹ lương CBCNV kế hoạch 2026 tăng 1.024 tỷ (+1,81%) so với thực hiện 2025. - Quỹ lương thực hiện năm 2025 được hưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh đạt so với kế hoạch.
	- Quỹ lương sản xuất nước	Tr đồng	37.930	36.635	96,58	(3,42)	37.122	101,33	126,77* doanh thu nước/1.000 đồng doanh thu
	- Quỹ lương xây dựng cơ bản, khác...	Tr đồng	7.174	9.223	128,56	28,56	9.500	103,00	- Quyết toán nguồn lương XDCB thực hiện năm 2026 được hưởng gồm nguồn lương đạt kế hoạch và phần phát sinh thêm khi thực hiện các công trình XDCB khác được quyết toán trong năm 2026.
	- Quỹ lương xử lý nước thải	Tr đồng	11.010	10.749	97,63	(2,37)	11.010	102,42	3.161,68 * số m ³ nước thải xử lý thực hiện
2	Tổng quỹ tiền lương ban điều hành	Tr đồng	2.285	2.225	97,35	(2,65)	2.255	101,35	- Quỹ lương BDH gồm 04 người. Tuy nhiên, hiện nay BDH Công ty chỉ còn 03 người. - Kế hoạch Quỹ lương BDH 2026 tăng 30 triệu đồng (+1,35%) so với thực hiện 2025. - Quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2026 được hưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh thực tế đạt so với kế hoạch. - 6,96 đồng * tổng doanh thu HDSXKD thực hiện/1.000 đồng

Ghi chú

- Trong năm kế hoạch 2026, trường hợp lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm xuống dưới mức lãi suất cho vay của ngân hàng thế giới (6,95%) thì Công ty chủ động xin ý kiến HĐQT trả gốc vay dự án Cấp nước (151 tỷ đồng)

- Chi phí lãi vay của DA Cấp Nước Đà Lạt đang được theo dõi hạch toán vào giá thành nước: 10,5 tỷ đồng/năm.

- Phân tích giá đối tượng sử dụng nước

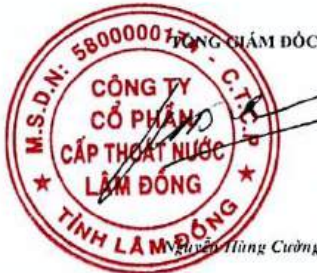
Stt	Đối Tượng Sử Dụng Nước	Giá bán (Chưa VAT)	Giá bán (+VAT)	Số m ³	Tỉ Lệ % m ³	Nhóm Số m ³	Nhóm Tỷ Lệ %
1	Mức 1 Hộ dân cư	8.340	8.757	8.513.133	38,88	13.687.737	62,52
2	Mức 2 Hộ dân cư	11.900	12.495	2.889.070	13,20		
3	Mức 3 Hộ dân cư	13.349	14.016	1.005.833	4,59		
5	Mức 4 Hộ dân cư	14.302	15.017	1.279.701	5,84		
4	Cơ quan hành chính	13.883	14.577	1.500.038	6,85	1.500.038	6,85
6	Tổ chức, cá nhân SXVC	17.163	18.021	925.120	4,23	925.120	4,23
7	Tổ chức, cá nhân KDDV	19.985	20.984	5.781.829	26,41	5.781.829	26,41
				21.894.724	100	21.894.724	100

TP. KẾ HOẠCH KINH DOANH

Trần Hoàng

TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Bùi Hoàng Trường VT





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên

Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 06

Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2026 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 361.970.000.000 đồng
2. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 323.939.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 17%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 91.726.000.000 đồng
5. Cổ tức: $\geq 6,14\%$ (≥ 614 đồng/cổ phần)

- Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản (xem phụ lục 05/1 đính kèm) trong đó tổng giá trị đầu tư dự toán là 248,61 tỷ đồng tuy nhiên một số công trình có suất đầu tư giá trị lớn chuyển từ năm 2025 qua do vướng thủ tục như tuyến ống Chuyển tải D600 gang từ nhà máy nước Đan kia đến Bể chứa Tùng Lâm (93 tỷ), xây dựng bể lắng Lamel 10.000m³ để nâng công suất của Nhà máy nước Đan kia đã bị hết công suất từ lâu (10 tỷ) và xây dựng nhà máy nước mặt giai đoạn 1 có công suất là 3.000m³/ngđ nhằm chuyển đổi từ khai thác nước ngầm sang nước mặt cho Nhà máy cấp nước Bảo Lâm (20 tỷ), thủ tục vướng mắc chủ yếu là lĩnh vực sử dụng đất, thủ tục phải thực hiện nhiều tầng, cần có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền từ trung ương, thời gian kéo dài vì vậy năm 2026 Ban điều hành lập kế hoạch tài chính với tỷ lệ 40% tổng dự toán. Đây là các công trình cần thiết để phát triển công suất nhà máy, bảo đảm an toàn cấp nước... Vì vậy, để kịp thực hiện khi được phép triển khai, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt phần kinh phí vượt 40% như dự toán trên, giá trị này không được vượt quá giá trị dự toán ban đầu.

- Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/2 đính kèm (nguồn lương thực hiện được quyết toán thực tế trong năm 2026).

(xem chi tiết tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Phan Đình Tân

TỜ TRÌNH

Thuyết minh Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026.

Kính gửi: : Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ vào nguồn vốn khấu hao tài sản cố định và nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản (“XDCB”) tại các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2026.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình lên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) việc lập Kế hoạch và thuyết minh Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026 (Bảng Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026 chi tiết đính kèm), với nội dung như sau:

A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH XDCB ĐẦU TƯ MỚI 2026.

Tổng giá trị đầu tư là 248,61 tỷ (VNĐ).

I. Danh mục các công trình đầu tư năm 2025 chuyển sang 2026. Giá trị: 203,5 tỷ.

1. Địa bàn Đà Lạt. Giá trị: 170,072 tỷ.

1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Tổng giá trị đầu tư: 15,848 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty.

- Lắp bổ sung tuyến ống nước thô D500 tại nhà máy nước Đankia – Suối Vàng, giá trị đầu tư: 1,794 tỷ; Đã thi công chưa quyết toán, dự kiến nghiệm thu quyết toán trong quý II/2026.

- Lắp máy ép bùn (chất thải công nghiệp) cho nhà máy nước Đankia – Suối Vàng, giá trị đầu tư: 1,513 tỷ; Dự kiến nghiệm thu và quyết toán quý III/2026.

- Xây dựng bể lắng Lamel công suất 10.000m³/ngđ cho nhà máy nước Đankia – Suối Vàng, giá trị đầu tư 10 tỷ; Công ty đang lập thủ tục xin cấp phép xây dựng; Dự kiến hoàn thành thủ tục xin cấp phép xây dựng trong quý III/2026.

- Nạo vét hồ lắng bùn, giá trị đầu tư 0,65 tỷ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa tìm được đơn vị thu gom, xử lý chất thải công nghiệp, Công ty vẫn đang tìm đơn vị đủ năng lực để thực hiện thu gom;

- Xây thêm bể chứa nước sạch 300m³ cho nhà máy nước Hồ Than Thở, giá trị đầu tư: 0,5 tỷ;

- Lắp máy ép bùn (chất thải công nghiệp) cho nhà máy nước Hồ Than Thở, giá trị đầu tư: 0,691 tỷ; Đã giao khoán cho Xí nghiệp Xây lắp cấp thoát nước (XNXL CTN).

- Lắp bổ sung tủ biến tăng 45kW cho nhà máy nước Phát Chi, giá trị đầu tư 0,1 tỷ.

- Lắp máy ép bùn (chất thải công nghiệp) cho nhà máy nước Phát Chi, giá trị đầu tư: 0,6 tỷ.

1.2. Mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt: Lắp đặt mạng lưới cấp nước tại thành phố Đà Lạt với tổng giá trị đầu tư là 154,223 tỷ đồng, nghiệm thu và quyết toán trong năm 2026. Bao gồm các tuyến ống trên các tuyến đường sau:

- Lắp đặt tuyến ống D200 Đinh Tiên Hoàng, giá trị đầu tư: 2,09 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Xí nghiệp Xây lắp đã thực hiện xong, đang lập thủ tục thanh quyết toán;

- Lắp đặt tuyến ống D300 từ Ba Tháng tư đến Khe sanh, giá trị đầu tư: 3,75 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty;

- Lắp đặt tuyến ống D300 từ Trần Quý Cáp đến Tây Hồ, giá trị đầu tư: 3 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty;

- Lắp đặt tuyến ống D200 Ngô Gia Tự (Mê Linh đến Thái Phiên), giá trị đầu tư 1,035 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty; Đã phê duyệt thiết kế dự toán ngày 04.11.2025, đang chờ triển khai cùng thời điểm với dự án cải tạo đường Ngô Gia Tự;

- Lắp đặt tuyến ống D150 Xô Viết Nghệ Tĩnh (từ Nguyễn Công Trứ đến Vạn Kiếp), giá trị đầu tư 1,044 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 317 ngày 17/11/2025;

- Thay mới D180 HDPE đường Hồ Xuân Hương, giá trị đầu tư 1,897 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 340 ngày 09/12/2025;

- Lắp bổ sung D150 Cầu Phước Thành - Ngã tư Lạc Dương, giá trị đầu tư 1,487 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 297 ngày 31/10/2025;

- Lắp đặt tuyến ống D180 Nguyên Tử Lực, giá trị đầu tư: 2,031 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 191 ngày 28/10/2024;

- Lắp mới D110 HDPE Đường An Bình, giá trị đầu tư: 0,784 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 183 ngày 19/10/2024;

- Lắp đặt Hệ thống cấp nước khu Mẫu Tâm, giá trị đầu tư 0,3 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty ;

- Xây dựng Trạm bơm tăng áp Măng Lin, giá trị đầu tư 41 tỷ trích từ nguồn vốn Đầu tư phát triển của Công ty. Đang thi công, đã thanh toán đợt 1 ;

- Lắp đặt Tuyến CT D600 Gang từ NMN Đan kia 1 đến bể Tùng Lâm, giá trị đầu tư 93 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đang thực hiện các thủ tục pháp lý ;

- Lắp bổ sung D150 Khe Sanh, giá trị đầu tư: 1,85 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 349 ngày 11/12/2025;

- Lắp bổ sung tuyến ống D160 HDPE Nguyên Từ Lực, giá trị đầu tư: 0,957 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty. Đã giao khoán cho XNXL CTN tại phiếu khoán số 139 ngày 23/6/2025;

2. Địa bàn Đa Huoai. Giá trị: 4,07 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty, dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

- Xây dựng và lắp đặt hệ thống bơm tuần hoàn cho bể lắng bùn cho nhà máy nước Đạm ri, giá trị đầu tư: 0,5 tỷ. Đã ký hợp đồng xây dựng (thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường – Chất thải trong quá trình sản xuất phải được xử lý trước khi thải ra môi trường).

- Cải tạo ống PVC D110 bên phải đường Lê Lợi bằng ống HDPE D110, giá trị đầu tư 0,963 tỷ.

- Tuyến D125 khu Tái định cư khu vực Madaguoi, giá trị đầu tư: 2,608 tỷ.

3. Địa bàn Lâm Hà. Giá trị đầu tư : 8,36 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty, dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

- Cải tạo bể lắng cũ nhà máy nước Đình Văn thành bể chứa (300m³) và hệ thống xử lý bùn, giá trị đầu tư: 1 tỷ; đã giao cho nhà máy nước Lâm Hà thực hiện.

- Lắp bể lọc cát sơ bộ cho trạm bơm cấp 1 Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ ;

- Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 đường ĐT.725 cấp nước cho thị trấn Nam Nam (đầu nối từ nguồn nước của xã Tà Nung - TP Đà Lạt), giá trị đầu tư: 7,31 tỷ (đang triển khai), dự kiến nghiệm thu và quyết toán trong quý III/2026.

4. Địa bàn Bảo Lâm. Giá trị đầu tư : 21 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty.

- Thảm bê tông cho sân nền văn phòng nhà máy nước Bảo Lâm, giá trị đầu tư 0,7 tỷ;

- Xây dựng nhà máy xử lý nước mặt công suất giai đoạn 1 là 3.000 m³/ngày nhằm chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước ngầm sang nước mặt cho nhà máy nước Bảo Lâm, giá trị đầu tư: 20 tỷ; dự kiến thực hiện xong thủ tục pháp lý vào quý IV/2026.

- Lắp DMA D50 trên mạng lưới cấp nước khu vực Bảo Lâm, giá trị đầu tư: 0,3 tỷ.

II. Danh mục các công trình đầu tư năm 2026. Giá trị: 45,11 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty.

1. Địa bàn Đà Lạt. Giá trị: 26,588 tỷ.

1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị: 4,902 tỷ.

- Thay mới bơm nước thô nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư 2,1 tỷ.

Ba tổ bơm cũ lắp đặt đã hơn 20 năm (năm 2000), sửa chữa nhiều lần và không đảm bảo công suất khi nâng công suất nhà máy lên 35.000 m³/ngày

- Nâng cấp cải tạo 3 bể lắng nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ.

Bể lắng tại nhà máy nước Đankia đã được đầu tư hơn 40 năm về trước, hiện nay đã bị bong tróc, thấm nước do đó cần nâng cấp cải tạo để đảm bảo sản xuất và chống thất thoát nội trạm;

- Xây bồn xử lý sinh học kết hợp lắng lọc thu nước thải sinh hoạt cho nhà máy nước Đankia, nhà máy nước Than thở, trạm bơm Chiến Thắng, trạm bơm Hùng Vương với giá trị đầu tư 0,04 tỷ.

Theo Luật Bảo vệ môi trường nước thải phải đảm bảo đạt quy chuẩn mới được thải ra môi trường, nhằm thực hiện đúng quy định trên cần đầu tư bồn xử lý sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt tại các nhà máy và trạm bơm có xả thải nước thải sinh hoạt;

- Lắp đặt biến tần cho 02 máy bơm nước sạch 400kW tổ máy 5&6 NMN Đankia, giá trị đầu tư 2 tỷ.

Lắp biến tần cho máy bơm mang lại lợi ích lớn về tiết kiệm điện năng (20-40%), ổn định áp suất hệ thống qua PID, Sử dụng bộ điều khiển PID tích hợp, biến tần giữ áp suất nước ổn định trên đường ống dù nhu cầu sử dụng thay đổi liên tục, bảo vệ động cơ toàn diện (Hạn chế dòng khởi động cao, khởi động và dừng mềm tránh sốc điện, sốc áp thủy lực. Tích hợp bảo vệ mất pha, quá tải, quá áp, cạn nước, giúp giảm hỏng hóc), tăng tuổi thọ thiết bị và giảm tiếng ồn, bảo trì. Biến tần tự động điều chỉnh tốc độ theo nhu cầu thực tế của mạng lưới cấp nước Đà Lạt, đặc biệt trạm bơm tăng áp Măng Lin đã đưa vào hoạt động;

- Lắp đặt bơm tăng áp clo cho trạm bơm Chiến Thắng, giá trị đầu tư 0,022 tỷ;

- Nâng cấp cải tạo tự động hóa hệ thống điều khiển trạm bơm Chiến Thắng, giá trị đầu tư: 0,36 tỷ;

- Nâng cấp cải tạo tự động hóa hệ thống điều khiển bơm tăng áp nước sạch cho trạm bơm Hùng Vương, giá trị đầu tư: 0,18 tỷ;

1.2. Văn phòng Công ty. Giá trị đầu tư: 10 tỷ, dự kiến nghiệm thu và quyết toán vào quý III/2026.

- Xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh - chuyển đổi số, giá trị đầu tư : 10 tỷ.

Nâng cấp hệ thống Scada hiện tại thành trung tâm điều khiển từ xa nhằm tự động hóa quy trình, tự động hóa giám sát, vận hành hệ thống bơm, mạng lưới đường ống, tối ưu hóa hiệu suất, giảm thất thoát nước (NRW), và đảm bảo cấp nước sạch an toàn thông qua dữ liệu thời gian thực.

1.3. Mạng lưới cấp nước. Giá trị đầu tư: 11,686 tỷ, dự kiến hoàn thành năm 2026.

Hiện nay, trên mạng lưới cấp nước vẫn còn tồn tại tuyến ống gang, thép cũ mục, ảnh hưởng lưu lượng và chất lượng nước trên mạng lưới. Công ty đã khảo sát, trong năm 2026, sẽ đầu tư thay thế một số tuyến ống với tổng giá trị đầu tư: 11,686 tỷ, với tuyến ống cụ thể như sau :

- Thay thế đường ống thép D100 Xuân Trường, giá trị đầu tư: 3 tỷ;
- Thay thế đường ống thép D200 Túy Sơn - Xuân Thọ, giá trị đầu tư: 1,2 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D100 Yersin, giá trị đầu tư: 0,444 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D150 Hai Bà Trưng (Ngã 4 La Sơn Phu Tử đến cuối đường), giá trị đầu tư: 1,245 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D150 Hà Huy Tập, giá trị đầu tư: 1,44 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D150 Nhà Chung, giá trị đầu tư: 0,540 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D150 Thi Sách, giá trị đầu tư: 1,47 tỷ;
- Thay thế đường ống gang D150 Phạm Ngọc Thạch, giá trị đầu tư: 0,675 tỷ;
- Lắp đặt mới ống D125 Huỳnh Tấn Phát, giá trị đầu tư: 1,44 tỷ ;
- Cắt bỏ ống gang D150 Hoàng Hoa Thám, sang hệ cho khách hàng, giá trị đầu tư: 0,1 tỷ;
- Cắt bỏ, thay thế tuyến ống gang D150, từ van tạp hóa số 6 đến cây bơ khu vực đường Chi Lăng (hiện ống đang ở trong nhà dân), giá trị đầu tư: 0,132 tỷ;

2. Địa bàn Lâm Hà. Giá trị đầu tư: 0,2 tỷ.

Lắp đồng hồ điện từ D150 nước sạch + Cello cho nhà máy nước Nam Ban, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ.

Theo kế hoạch kinh doanh, năm 2026 sẽ đưa nhà máy nước Nam Ban hoạt động trở lại, việc lắp đặt đồng hồ D150 và cello cho nhà máy nhằm phục vụ công tác chống thất thoát.

3. Địa bàn Đạ Huoai. Giá trị đầu tư : 0,540 tỷ.

Đầu tư các tuyến ống nhánh để phát triển khách hàng, gồm các tuyến ống :

- Đầu tư xây dựng tuyến ống HDPE D63 nhánh phải đường Hùng Vương- xã Đạ Huoai, giá trị đầu tư: 0,3 tỷ;
- Đầu tư xây dựng tuyến ống HDPE D63 - nhánh trái đường tỉnh lộ 721- xã Đạ Huoai, giá trị đầu tư: 0,24 tỷ;

4. Địa bàn Đơn Dương. Giá trị đầu tư: 17,5 tỷ.

Giảm áp lực thiếu hụt nước do khô hạn nguồn nước cho khu vực Đran, Công ty đầu tư tuyến ống truyền tải nước từ khu vực Đà Lạt xuống khu vực Đran, gồm:

- Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 từ Phát Chi đi Đran, giá trị đầu tư: 13 tỷ;
- Cải tạo tuyến ống HDPE D140 từ trạm Xuân Trường đi Phát Chi, giá trị đầu tư: 4,5 tỷ;

5. Địa bàn Đạ Tẻh. Giá trị đầu tư : 0,28 tỷ.

Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D63 khu trung tâm hành chính xã Đạ Tẻh 2, giá trị đầu tư 0,28 tỷ nhằm phát triển khách hàng.

B. DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2026

Giá trị đầu tư: 66,792 tỷ (VNĐ).

I. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2025 chuyển sang 2026.
Giá trị: 13,912 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty, trong đó:

1. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị: 2,49 tỷ, trong đó:

- Xử lý chống thấm, sơn tường bên ngoài các khối công trình (giai đoạn 2) nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư: 0,313 tỷ;
- Tháo gỡ vách ngăn bằng thép giữa 2 hồ thu của TB cấp 1 nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ;
- Thay mô tơ 400kW cho bơm nước sạch số 6 nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư: 1 tỷ;
- Sửa chữa, chống thấm bể chứa bùn nhà máy nước hồ Than Thở, giá trị đầu tư: 0,087 tỷ;
- Làm mới lưới chắn rác bằng Inox 304 hòng thu gom nước thô trạm bơm Chiến Thắng, giá trị đầu tư: 0,04 tỷ;
- Lắp đặt hệ thống châm Soda & Phèn tự động nhà máy nước Phát Chi, giá trị đầu tư: 1 tỷ.

2. Nhà máy nước Đơn Dương. Giá trị đầu tư : 1,487 tỷ.

- Sơn sửa kiến trúc lại nhà trạm trạm cấp nước Thạnh Mỹ, giá trị đầu tư: 0,137 tỷ;
- Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda), giá trị đầu tư: 1 tỷ;
- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ.

3. Nhà máy nước Lâm Hà. Giá trị đầu tư: 3,867 tỷ.

3.1. Nhà máy nước Đình Văn. Giá trị: 1,315 tỷ.

- Sơn sửa và chống thấm lại nhà điều hành, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ;
- Cải tạo tuyến ống HDPE D63mm Lê Văn Tám, giá trị đầu tư: 0,075 tỷ;
- Sửa chữa phòng hoá nghiệm, giá trị đầu tư: 0,04 tỷ;
- Cải tạo tuyến ống HDPE D40mm TDP Sernhac (hẻm Kong Hương) - Đình Văn, giá trị đầu tư: 0,15 tỷ.
- Hoàn thiện tủ điện hệ thống châm tự động hóa chất (Clo-Phèn-Soda), giá trị đầu tư: 1 tỷ.

3.2. Nhà máy nước Tân Hà. Giá trị đầu tư : 1,552 tỷ.

- Sửa chữa kiến trúc, sơn sửa và chống thấm nhà điều hành trạm cấp nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,102 tỷ;
- Chống thấm bể chứa bùn trạm cấp nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,049 tỷ;
- Sửa chữa bể lọc, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ;

- Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda), giá trị đầu tư: giá trị đầu tư: 1 tỷ;

- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ.

3.3. NMN Nam Ban. Giá trị đầu tư: 1 tỷ.

Sửa chữa phục hồi tuyến ống chính cấp nước HDPE+PVC: D90-D225, giá trị đầu tư: 1 tỷ.

4. Nhà máy nước Đạ Huoai. Giá trị đầu tư: 2,25 tỷ.

- Sơn sửa nhà máy nước Đạm Ri, giá trị đầu tư: 0,226 tỷ;

- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo nhà máy nước Đạm Ri, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ;

- Trồng cây xanh nhà máy nước Madaguoi, giá trị đầu tư: 0,004 tỷ;

- Sơn chống thấm văn phòng và trạm bơm Madaguoi, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ;

- Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda), giá trị đầu tư: 1 tỷ;

- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo cho nhà máy nước Madaguoi, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ;

- Sửa hàng rào nhà máy Madaguoi, giá trị đầu tư: 0,12 tỷ.

5. Nhà máy nước Bảo Lâm. Giá trị đầu tư : 0,94 tỷ.

- Cải tạo nhà vệ sinh văn phòng và 6 trạm bơm, giá trị đầu tư: 0,49 tỷ;

- Lắp tủ biến tần chạy tự động cho TB G1, TB G3, TB G4, giá trị đầu tư: 0,45 tỷ.

6. Nhà máy nước Đạm Rồng. Giá trị đầu tư: 1,528 tỷ.

- Sơn hàng rào, nhà trạm, giá trị đầu tư: 0,178 tỷ.

- Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda), giá trị đầu tư: 1 tỷ.

- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ.

7. Nhà máy nước Đạ Tẻh. Giá trị đầu tư: 1,35 tỷ.

- Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda), giá trị đầu tư: 1 tỷ.

- Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo, giá trị đầu tư: 0,35 tỷ.

II. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2026. Giá trị: 32,374 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty.

1. Văn phòng Công ty, giá trị đầu tư : 2 tỷ.

Áp đá hoa cương mặt ngoài văn phòng Công ty, giá trị đầu tư: 2 tỷ.

Do điều kiện thời tiết khu vực Đà Lạt gây ẩm mốc, thấm tường mặt ngoài của công trình, nên đề xuất đầu tư áp đá hoa cương mặt ngoài văn phòng công ty.

2. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị: 1,138 tỷ.

- Cải tạo bể lọc nhà máy nước hồ Than Thở, giá trị đầu tư: 0,45 tỷ;

- Cải tạo nhà điều hành nhà máy nước Đa Thiện, giá trị đầu tư: 0,12 tỷ;

- Sửa chữa nhà điều hành nhà máy nước Phát Chi, giá trị đầu tư: 0,068 tỷ;

- Thay ruột cao su bể chứa Vạn Thành, giá trị đầu tư: 0,5 tỷ.

3. Nhà máy nước Đơn Dương. Giá trị : 0,625 tỷ.

- Sửa chữa nhà điều hành nhà máy nước Thạnh Mỹ, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ;
- Sửa chữa nền sân, nền nhà, tường rào xung quanh nhà trạm, giá trị đầu tư: 0,3tỷ;
- Thay thế ống thép D200 qua cầu Dran, giá trị đầu tư: 0,079 tỷ;
- Thay thế ống thép D168 qua cầu Dran, giá trị đầu tư: 0,045 tỷ;

4. Nhà máy nước Lâm Hà. Giá trị 4,076 tỷ.

- Sửa chữa nhà điều hành nhà máy nước Đình Văn, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ. Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá so với kế hoạch năm 2025 chuyển sang;
- Nhà hoá nghiệm nhà máy nước Đình Văn, giá trị đầu tư: 0,15 tỷ. Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá so với kế hoạch năm 2025 chuyển sang;
- Sửa chữa nhà điều hành nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ. Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá so với kế hoạch năm 2025 chuyển sang;
- Sửa chữa bể hóa chất bị mục nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ;
- Sửa chữa bể lọc trọng lực tự rửa $W=25M^3/H$ nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ;
- Sửa chữa sơn sửa nhà máy nước Nam Ban, giá trị đầu tư: 0,66 tỷ, gồm các hạng mục: văn phòng Nam Ban+nhà bảo vệ+nhà hoá chất; bể lắng Nam Ban; cầu thang, tay vịn, hành lang, sàn công tác; bể nước sạch 600m³ Nam Ban; bể chứa bùn Nam Ban (33.20*7*2.5);
- Thay ống STK D200 qua cầu sắt bị sập cho tuyến ống Nam Ban, giá trị đầu tư: 0,04 tỷ;
- Sơn chống rỉ ống thép D220, D160 (tuyến ống Nam Ban), giá trị đầu tư: 0,026 tỷ;
- Lắp đặt ống dịch vụ D40, D50, D63 HDPE khu vực Nam Ban, giá trị đầu tư: 2,4 tỷ;

5. Nhà máy nước Bảo Lâm. Giá trị đầu tư: 0,705 tỷ.

- Thay thế các tuyến ống dịch vụ, giá trị đầu tư: 0,705 tỷ. Gồm các tuyến cụ thể như sau: tuyến đường Nguyễn Trãi; tuyến hẻm 43 Trần Phú; tuyến hẻm 499 Hùng Vương.

6. Nhà máy nước Đạ Huoai. Giá trị 0,4 tỷ.

- Sơn sửa lại nhà máy nước Đạm Ri, giá trị đầu tư: 0,3 tỷ;
- Sơn sửa lại nhà máy nước Madaguoi, giá trị đầu tư: 0,1 tỷ;

7. Nhà máy nước Đạ Tẻh. Giá trị: 1,131 tỷ.

- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 đường liên xã Đạ Tẻh 2 (thuộc xã Quảng Trị cũ), giá trị đầu tư: 0,39 tỷ;

- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 đường liên xã Đa Tềh 2 (thuộc liên xã Đa kho
- Triệu Hải cũ), giá trị đầu tư: 0,045 tỷ;
- Lắp đặt tuyến ống HDPE D63. Hẻm 274, đường 30/4, xã Đa Tềh, giá trị đầu tư: 0,246 tỷ;
- Sửa chữa nhà điều hành, nhà hoá chất, trạm bơm cấp II, nhà kho, nhà bảo vệ, công tường rào, giá trị đầu tư: 0,45 tỷ;

8. Nhà máy nước Đam Rông. Giá trị: 0,3 tỷ.

- Sơn sửa lại nhà máy nước Đam rông, giá trị đầu tư: 0.3 tỷ.

9. Bảo trì, bảo dưỡng các tủ điện điều khiển, biến tần các trạm bơm, nhà máy. Giá trị đầu tư: 2 tỷ.

Mục đích:

- Nhằm kiểm tra vận hành của các biến tần và hệ thống điều khiển;
- Đánh giá hiện trạng thiết bị để lập kế hoạch vệ sinh, bảo trì và tối ưu vận hành;
- Đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao độ ổn định, kéo dài tuổi thọ thiết bị và giảm thiểu sự cố trong quá trình vận hành.

10. Các hạng mục cải tạo, sửa chữa chưa xác định cụ thể trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước toàn Công ty. Giá trị đầu tư: 20 tỷ.

III. Danh mục các công trình thực hiện theo kế hoạch quản lý, phòng và chống thất thoát toàn Công ty. Giá trị: 20,506 tỷ trích từ nguồn vốn khấu hao tài sản cố định của Công ty.

1. Địa bàn Đà Lạt. Giá trị: 17,231 tỷ.

- Thay thế ống cũ mục đoạn ống D200-63-32-25, giá trị đầu tư: 1,964 tỷ; Gồm các tuyến ống sau: D63-32 đường Thăng long - Lạc Dương; D63-32 Tô Vĩnh Diện (Đôi 3); D63-32 hẻm 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh; D63-32 hẻm 52 Xô Viết Nghệ Tĩnh; D63-32 hẻm Nguyễn Trung Trực - Chùa Bò Đề; D63-32 các hẻm Xuân An; D63-32 hẻm 79 Hùng Vương (Sau TB tăng áp Hùng Vương); D63-32 Công Chúa Ngọc Hân (Nửa cuối đường); D63-32 Cuối đường Triệu Việt Vương (An Bình); Một số vị trí cũ mục khác trong quá trình điều hành.

- Vệ sinh, sơn lại các đường ống thép các cụm bể chứa, giá trị đầu tư: 0,24 tỷ;
- Vệ sinh, sơn lại các đường ống thép bằng cầu, giá trị đầu tư: 0,2 tỷ.
- Thay thế đường ống STK, giá trị đầu tư: 7,134 tỷ. Gồm các tuyến đường sau: D50 dọc đường Hai Bà Trưng; D50 dọc các hẻm đường Phan Đình Phùng; D50 hẻm 29 đường Mê Linh; D50 hẻm 05 đường Khe Sanh; D50 dọc đường Tăng Bạt Hổ; D50 dọc đường Trương Công Định; D50 hẻm 70 đường Lữ Gia (hẻm doanh trại quân đội); hẻm sân banh Nguyễn Thái Bình; D50 hẻm 62 đường Mê Linh; D50 hẻm tập thể viện NCHN đường Nguyễn Đình Chiểu; D50 từ trường Cao đẳng Sư phạm đến Sân banh YerSin; các hẻm dọc đường Nhà Chung; các hẻm dọc đường Xuân An; các hẻm dọc đường Đào Duy Từ; các hẻm dọc đường Hà Huy Tập; D50 các dọc đường Hồ Xuân Hương (từ KDL Hồ Than Thở đến cuối đường);

các hẻm dọc đường Hồ Xuân Hương (từ KDL Hồ Than Thở đến cuối đường); D50 dọc đường Mạc Đình Chi + KQH.

- Thay thế tuyến ống PVC D50 hẻm chùa Ve Chai - Trại Mát, giá trị đầu tư: 0,24 tỷ;

- Thay thế đường ống STK D33 hẻm 36 đường Nam Hồ, giá trị đầu tư: 0,12 tỷ;

- Thay thế đường ống STK D50 hẻm 50/3 đường Hà Huy Tập, giá trị đầu tư: 0,12 tỷ;

- Cải tạo ống HDPE D63-32, giá trị đầu tư: 4,113 tỷ. Gồm các tuyến ống sau: hẻm 194 Ngô Quyền (Xưởng in); đường Thăng Long – Lạc Dương; Tô Vĩnh Diện đôi 3; hẻm 3/2 Ngô Quyền; Khu 12 căn – Ngô Quyền; đường Xuân An (dọc các đường bê tông); khu vực đường An Bình; cuối tuyến Lê Lai; khu Làng Thượng – C37 Nguyễn Tử Lực; đường Trịnh Hoài Đức (cuối đường); KQH – Nguyễn Lương Bằng (đối diện chung cư); hẻm sau Trạm bơm tăng áp Hùng Vương ; hẻm Osaka – Đồng Đa; đường Tự Tạo, từ vị trí DMA cũ xuống cầu; đường Nguyễn Thị Minh Khai - Khu vực xung quanh chợ Đà Lạt; khu vực xung quanh đường Chi Lăng, từ cây bơ đến cầu Ngô Văn Sở; Nguyễn Siêu đối diện đường Bạch Đằng; khu quy hoạch Golf Valley - đồng hồ nằm sau nhà; hẻm đình Nam Hồ; hẻm 1 đường vào tổ Thái An 1; hẻm 3 Thiện Mỹ; một phần đường Nguyễn An Ninh (từ nhà số 42 đến 120); khu dân cư cạnh sân bóng Tự Tạo; đường Yersin (từ hồ lãng đến đầu đường Phạm Hồng Thái); hẻm 75 Hùng Vương.

- Cắt bỏ ống gang D200 đường Thánh Mẫu; cắt bỏ đường ống gang D100 Hồ Tùng Mậu, giá trị đầu tư: 0,1 tỷ ;

- Dự kiến cải tạo ống STK các Khu quy hoạch trên địa bàn Đà Lạt; các khu vực cũ nghẹt, giá trị đầu tư: 3 tỷ.

2. Địa bàn Đơn Dương. Giá trị 0,440 tỷ.

- Cải tạo D63-25 chống thất thoát Thạnh Mỹ. Giá trị: 0,084 tỷ.

- Cải tạo D63-25 chống thất thoát D'Ran. Giá trị: 0,056 tỷ.

- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello: 06 cụm) nhà máy nước Thạnh Mỹ và D'Ran. Giá trị: 0,3 tỷ.

3. Địa bàn Lâm Hà. Giá trị : 0,46 tỷ.

- Cải tạo D63-25 chống thất thoát Đình Văn, giá trị đầu tư: 0,084 tỷ;

- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello : 06 cụm) Đình Văn, giá trị đầu tư: 0,3 tỷ ;

- Cải tạo D63-25 chống thất thoát Tân Hà, giá trị đầu tư : 0,056 tỷ;

- Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,02 tỷ;

4. Địa bàn Bảo Lâm. Giá trị: 1,943 tỷ.

- Cải tạo tuyến ống D40-32 thôn 1, xã Lộc Ngãi, giá trị đầu tư: 0,286 tỷ;

- Cải tạo tuyến ống D63-25 chống thất thoát, giá trị đầu tư: 0,28 tỷ ;

- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello), giá trị đầu tư: 0,15 tỷ;
- Thay thế cải tạo các tuyến dịch vụ hẻm 417 Hùng Vương, hẻm 176 Trần Phú, hẻm 79 Trần Phú, giá trị đầu tư: 0,268 tỷ;
- Di dời tuyến ống HDPE D110, và các tuyến ống dịch vụ DT 725 - thôn 1 - Lộc Ngãi (1600m D110, 2000m D40-63), giá trị đầu tư: 0,96 tỷ.

5. Địa bàn Đa Huoai. Giá trị 0,198 tỷ.

- Cải tạo ống D63-25 HDPE chống thất thoát Đa M'ri, Madaguôi, giá trị đầu tư: 0,168 tỷ.
- Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực Madaguoi. Giá trị: 0,03 tỷ.

6. Địa bàn Đa Têh. Giá trị: 0,234 tỷ.

- Cải tạo tuyến ống D63-25 chống thất thoát. Giá trị: 0,084 tỷ.
- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello). Giá trị: 0,15 tỷ.

(Đính kèm Bảng tổng hợp các hạng mục công trình đầu tư XDCB 2026).

Trên đây là thuyết minh về Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, kính trình Hội đồng Quản trị Công ty xem xét quyết định để triển khai thực hiện.

Trân Trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Điều hành C.ty (theo dõi);
- Ban Kiểm soát C.ty (theo dõi);
- Các Phòng chức năng C.ty;
- Các Đơn vị thành viên;
- Lưu VT.



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2026
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Tờ trình số: 31 /TTr-CTN, ngày 30 /3/2026 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
A/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2025 - CHUYỂN SANG 2026								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT							
1	Nhà máy Đan kia							
a	Lắp bổ sung tuyến ống nước thô D500 (từ TB C1 đến bể trộn)	100m	1,5	1,196	1,794		Q1	Đã giao XNXL
b	Lắp máy ép bùn	HT	1,00	1,513	1,513	Q3	Q3	
c	Xây dựng mới bể lắng lamel CS 10.000 m3/ngđ	Bê	1,00	10,000	10,000	Q3		Đang xin cấp phép xây dựng
d	Nạo vét bùn hồ lắng	HM	1,00	0,650	0,650		Q4	
2	Nhà máy nước Hồ Than Thở							
a	Xây thêm bể chứa 300 m3	HM	1,00	0,500	0,500	Q2	Q3	Tiếp tục cho thực hiện
b	Lắp đặt máy ép bùn	HM	1,00	0,691	0,691		Q1	Đã khoán cho XNXL: T.Bị mua ngoài
3	NMN Phát Chi							
a	Lắp bổ sung 1 tủ biến tần 45kW	Tủ	1,00	0,100	0,100	Q2	Q2	Chưa mở được mạng
b	Lắp đặt máy ép bùn	HM	1,00	0,600	0,600	Q2	Q3	
4	Mạng lưới cấp nước							
a	Tuyến D200 Đình Tiên Hoàng	100m	15,00	0,139	2,090		Q2	XNXL đang thi công
b	Tuyến D300 (Ba tháng tư đến Khe Sanh)	100m	15,00	0,250	3,750	Q2	Q3	
c	Tuyến D300 (Trần Quý Cáp đến Tây Hồ)	100m	12,00	0,250	3,000	Q2	Q3	
d	Tuyến D200 Ngô Gia tự (Mê Linh đến Thái Phiên)	100m	6,00	0,172	1,035			Đã phê duyệt TKDT ngày 04.11.2025 - chờ xem có đưa vào dự án cải tạo đường không.
e	Tuyến D150 Xô viết nghệ tĩnh (Nguyễn Công Trứ đến Vạn kiếp)	100m	7,00	0,149	1,044		Q2	Đã giao khoán XNXL
f	Thay mới D180 HDPE đường Hồ Xuân Hương	100m	10,00	0,190	1,897		Q2	Đã giao khoán XNXL
g	Lắp bổ sung D150 Cầu Phước Thành - Ngã tư Lạc Dương	100m	10,00	0,149	1,487		Q2	Đã giao khoán XNXL
h	D180 Nguyên Tử Lực	100m	15,00	0,135	2,031		Q2	Tiếp tục triển khai
i	Lắp mới D110 HDPE Đường An Bình	100m	8,10	0,097	0,784		Q2	Tiếp tục triển khai

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
k	Lắp HTCN khu Mẫu Tâm	HM	1,00	0,300	0,300		Q2	Đã thi công xong
l	Xây dựng Trạm bơm tăng áp Măng lín	HM	1,00	41,000	41,000		Q2	Đã thi công xong, đang hoàn thiện và quyết toán (đã TT đợt 1)
m	Tuyến CT D600 Gang từ NMN Đan کیا 1 đến bể Tùng Lâm	HM	1,00	93,000	93,000	Q2		Đang xin chủ trương triển khai
n	Lắp bổ sung D150 đường Khe Sanh	100m	15,00	0,123	1,850		Q2	Đã khoán cho XNXL T12.2025
o	Lắp bổ sung D160 Nguyễn Trung Trực	100m	6,00	0,159	0,957		Q2	Đã khoán cho XNXL
II	NMN ĐẠ HUOAI							
I	NMN Đạ M'ri							
a	Xây dựng bể lắng bùn và lắp đặt hệ thống bơm tuần hoàn cho bể lắng bùn	HM	1	0,500	0,500		Q1	Đang thi công
b	Cải tạo ống PVC D110 bên phải đường Lê Lợi bằng ống HDPE D110	100m	10	0,096	0,963		Q1	Đang thi công
2	NMN Madagui							
a	Tuyến D125 khu TĐC	100m	5,1	0,511	2,608		Q2	Đã giao XNXL, đang thi công
III	NMN LÂM HÀ							
I	NMN Đình Văn							
a	Cải tạo bể lắng cũ thành bể chứa (300m3) và HT xử lý bùn	HM	1	1,000	1,000		Q2	
2	Trạm Tân Hà							
a	Lắp bể lọc cát sơ bộ trạm cấp 1 Tân Hà	HM	1	0,050	0,050	Q2	Q2	
3	NMN Nam Ban							
a	Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 đường ĐT.725 cấp nước cho thị trấn Nam Nam (dầu nối từ nguồn nước của xã Tà Nung - TP Đà Lạt)	100m	85	0,086	7,310	Q1	Q2	Đang triển khai
IV	NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM							
a	Sân nền bê tông đá 1x2, dày 10cm, văn phòng NMN Bảo Lâm	TB	1	0,7000	0,700	Q2	Q2	Bổ sung cho 2 giếng khoan mới
b	Xây dựng NMN mặt CS GĐ1 3.000 m3/ngđ tại TB G1	NM	1	20,000	20,000	Q1		Đang lập thủ tục xin phép
c	Lắp DMA D50	Cái	3	0,100	0,300	Q2	Q2	
TỔNG HẠNG MỤC A					203,50			
B/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2026								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT							
I	NMN Đan کیا							
a	Thay mới bơm nước thô Q=500 M3/H, H=30	Bộ	3,00	0,700	2,100	Q2	Q2	
b	Nâng cấp, cải tạo 3 bể lắng	HM	1,00	0,200	0,200	Q2	Q3	Tư vấn lập hồ sơ
c	Xây bồn xử lý sinh học kết hợp lắng lọc thu nước thải sinh hoạt	Cái	1,00	0,010	0,010	Q2	Q2	Đảm bảo theo quy định xả thải môi trường

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
d	Lắp đặt tủ biến tần cho 02 máy bơm nước sạch 400kW	Cái	2,00	1,000	2,000	Q2	Q2	Điều khiển bơm NS cho phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của MLCN Đà Lạt
2	NMN Than Thở							
a	Xây bồn xử lý sinh học kết hợp lắng lọc thu nước thải sinh hoạt	Cái	1,00	0,010	0,010	Q2	Q2	Đảm bảo theo quy định xả thải môi trường
3	Trạm bơm Chiến Thắng							
a	Bơm tăng áp Clo EBARA.1,3 kW (made in Italy)- Model: CWM A/18 IE3- Bơm ly tâm đa tầng cánh Q = 20-80 lit/phút; H = 94.5-28.8m	Cái	1	0,022	0,022	Q2	Q2	Tur vắn
b	Nâng cấp cải tạo tự động hóa hệ thống điều khiển trạm bơm	HM	2,00	0,180	0,360	Q2	Q2	
c	Xây bồn xử lý sinh học kết hợp lắng lọc thu nước thải sinh hoạt	Cái	1,00	0,010	0,010	Q2	Q2	
4	Trạm bơm Hùng Vương							
a	Nâng cấp cải tạo tự động hóa hệ thống điều khiển bơm tăng áp nước sạch	HM	1,00	0,180	0,180	Q2	Q2	Tur vắn lập hồ sơ
b	Xây bồn xử lý sinh học kết hợp lắng lọc thu nước thải sinh hoạt	Cái	1,00	0,010	0,010	Q2	Q2	Đảm bảo theo quy định xả thải môi trường
5	Văn phòng công ty							
	Xây dựng trung tâm vận hành nước thông minh - chuyển đổi số	HM	1,00	10,000	10,000	Q2	Q3	
6	Mạng lưới cấp nước							
a	Thay thế đường ống thép D100 Xuân Trường	100m	25	0,12	3,000	Q2	Q3	
b	Thay thế đường ống thép D200 Túy Sơn - Xuân Thọ	100m	6	0,2	1,200	Q2	Q3	
c	Thay thế đường ống gang D100 Yersin	100m	3,7	0,12	0,444	Q2	Q2	
d	Thay thế đường ống gang D150 Hai Bà Trưng (Ngã 4 La Sơn Phu Tử đến cuối đường)	100m	8,3	0,15	1,245	Q2	Q2	
e	Thay thế đường ống gang D150 Hà Huy Tập	100m	9,6	0,15	1,440	Q2	Q2	
f	Thay thế đường ống gang D150 Nhà Chung	100m	3,6	0,15	0,540	Q2	Q2	
g	Thay thế đường ống gang D150 Thi Sách	100m	9,8	0,15	1,470	Q2	Q3	
h	Thay thế đường ống gang D150 Phạm Ngọc Thạch	100m	4,5	0,15	0,675	Q2	Q2	
i	Lắp đặt mới ống D125 Huỳnh Tấn Phát	100m	12	0,12	1,440	Q2	Q3	
k	Cắt bỏ ống gang D150 Hoàng Hoa Thám, sang hệ cho KH	Cụm	1	0,1	0,100	Q2	Q2	
l	Cắt bỏ, thay thế tuyến ống gang D150, từ van tạp hóa số 6 đến cây bơ khu vực đường Chi Lăng (hiện ống đang ở trong nhà dân)	100m	1,1	0,12	0,132	Q2	Q2	
II	NMN LÂM HÀ							
1	NMN Nam Ban							
	Lắp đồng hồ điện từ D150 nước sạch + Cello	Cái	1	0,200	0,200	Q2	Q2	
III	NMN ĐẠ HUOAI							

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
I	NMN Madaguoi							
a	Đầu tư xây dựng tuyến ống HDPE D63 nhánh phải đường Hùng Vương- xã Dạ Huoi	100m	10	0,030	0,300	Q2	Q2	
b	Đầu tư xây dựng tuyến ống HDPE D63- nhánh trái đường tỉnh lộ 721- xã Dạ Huoi	100m	8	0,030	0,240	Q2	Q2	
IV	NMN Đơn Dương							
a	Lắp đặt tuyến ống HDPE D125 từ Phát Chi đi Đran	100m	155	0,084	13,000	Q2	Q3	
b	Cải tạo tuyến ống HDPE D140 từ trạm Xuân Trường đi Phát Chi	100m	30	0,150	4,500	Q2	Q3	
V	NMN Dạ Têh							
	Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D63 khu trung tâm hành chính xã Dạ Têh 2	100m	1,3	0,215	0,280	Q2	Q2	
TỔNG HẠNG MỤC B					45,11			
TỔNG CỘNG (A+B)					248,610			

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Cường

PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH

Trần Hoàng

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

Bùi Hoàng Lương Vĩ

Bùi Hoàng Lương Vĩ

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị TV;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2026
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Tờ trình số: 21 /TTr-CTN, ngày 30 /3/2026 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
A/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2025 - CHUYỂN SANG 2026								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT							
1	NM Đankia							
a	Xử lý chống thấm, sơn tường bên ngoài các khối công trình (giai đoạn 2), NMN Đan Kia	HM	1	0,313	0,313		Q2	Đã ký HĐ
b	Tháo gỡ vách ngăn bằng thép giữa 2 hồ thu của TB cấp 1	HM	1	0,05	0,050		Q2	Tiếp tục thực hiện
c	Thay mô tơ 400kW cho bơm NS số 6	Bộ	1	1,00	1,000	Q2	Q2	Sẽ xem xét sau khi TB TA Mang lin hoạt động
2	NM Hồ Than Thở							
a	Sửa chữa, chống thấm bể chứa bùn	m2	434	0,0002	0,087		Q2	Tiếp tục thực hiện
3	Trạm bơm Chiến Thắng							
a	Làm mới lưới chắn rác bằng Inox 304 hạng thu gom nước thô	Cái	2	0,02	0,040		Q2	Tiếp tục thực hiện
4	NMN Phát Chi							
a	Lắp đặt hệ thống châm Soda & Phèn tự động	HM	1	1,0000	1,000	Q2	Q2	
II	NMN Đơn Dương							
1	Thị trấn Thạnh Mỹ							
a	Sơn sửa kiến trúc lại nhà trạm giếng G1	m2	684	0,0002	0,137	Q2	Q2	
2	Thị trấn Dran							
a	Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda)	HM	1	1,00	1,00	Q2	Q2	
b	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,35	Q2	Q2	
III	NMN LÂM HÀ							
1	Thị trấn Đình Văn							
a	Sơn sửa và chống thấm lại nhà điều hành	m2	250	0,0002	0,050	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
c	Cải tạo tuyến ống HDPE D63mm Lê Văn Tám	100m	2,5	0,03	0,075	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện
e	Sửa chữa phòng hóa nghiệm	m2	20	0,002	0,040	Q2	Q2	
f	Cải tạo tuyến ống HDPE D40mm TDP Sernhac (hẻm Kong Hương) - Đình Văn	100m	5	0,030	0,150	Q2	Q2	
g	Hoàn thiện tủ điện hệ thống châm tự động hóa chất (Clo-Phèn-Soda)	HM	1	1	1,000	Q2	Q2	
2	Thị trấn Tân Hà							
a	Sửa chữa kiến trúc nhà điều hành	m2	256	0,0002	0,051	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện
b	Sơn sửa và chống thấm lại nhà điều hành	m2	256	0,0002	0,051	Q2	Q2	Gom chung vào mục a
c	Chống thấm bể chứa bùn	m2	245,86	0,0002	0,049	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện
d	Sửa bể lọc	HM	1	0,0500	0,050	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện
e	Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda)	HM	1	1,00	1,000	Q2	Q2	
f	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,350	Q2	Q2	
3	NMN Nam Ban							
a	Sửa chữa phục hồi tuyến ống chính cấp nước HDPE+PVC: D90-D225	HM	1	1,00	1,000	Q2	Q3	
IV	NMN ĐA HUOAI							
1	NMN Dạ M'ri							
a	Sơn sửa lại trạm bơm Dạ M'ri	m2	1132	0,0002	0,226	Q2	Q2	Tiếp tục thực hiện
b	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,350	Q2	Q2	
2	NMN Madagui							
a	Trồng cây xanh	Cây	20	0,0002	0,004		Q2	Tiếp tục thực hiện
b	Sơn chống thấm văn phòng và trạm bơm Madagui	HM	1	0,2	0,200	Q2	Q3	
c	Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda)	HM	1	1,00	1,000	Q3	Q3	
d	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,350	Q3	Q3	
e	Sửa hàng rào nhà máy Madagui	HM	1	0,12	0,120	Q2	Q3	
V	NMN BẢO LÂM							
a	Cải tạo nhà vệ sinh VP và 6 Trạm bơm	HM	7	0,07	0,490	Q2	Q3	Tiếp tục thực hiện
c	Lắp tủ biến tần chạy tự động cho TB G1	Tủ	1	0,15	0,150	Q2	Q3	
d	Lắp tủ biến tần chạy tự động cho TB G3	Tủ	1	0,15	0,150	Q2	Q3	
e	Lắp tủ biến tần chạy tự động cho TB G4	Tủ	1	0,15	0,150	Q2	Q3	
VI	NMN ĐAM RÔNG							

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
a	Sơn hàng rào, nhà trạm		1777	0,0001	0,178	Q2	Q2	
b	Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda)	HM	1	1	1,000	Q3	Q3	
c	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,350	Q3	Q3	
VII	NMN ĐẠ TỄ							
a	Lắp đặt hệ thống châm tự động hóa chất (Phèn-Soda)	HM	1	1	1,000	Q3	Q3	
b	Lắp đặt hệ thống châm tự động khí clo	HM	1	0,35	0,350	Q3	Q3	
TỔNG HẠNG MỤC A					13,912			
B/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2026								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT							
1	Văn phòng Công ty							
a	Ôp đá hoa cương mặt ngoài VP Công ty	HM	1	2,0000	2,0000	Q2	Q2	
2	NMN Hồ Than Thở							
a	Cải tạo bể lọc NMN Than Thở	Cái	3	0,1500	0,4500	Q2	Q3	
3	NMN Đa Thiện							
a	Cải tạo nhà điều hành NMN Đa Thiện	HM	1	0,1200	0,1200	Q2	Q3	
4	NMN Phát Chi							
a	Sửa chữa nhà điều hành NMN Phát Chi	M2	67,5	0,0010	0,0675	Q2	Q3	
5	Bể Vận Thành							
	Thay ruột cao su bể chứa 1.000m3	Cái	1	0,5000	0,5000	Q2	Q2	
II	NMN ĐƠN DƯƠNG							
1	NMN Thạnh Mỹ							
	Sửa chữa nhà điều hành	HM	1	0,2	0,200	Q2	Q3	Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá
2	NMN D'Ran							
a	Sửa chữa nền sân, nền nhà, tường rào xung quanh nhà trạm	HM	1	0,3	0,300	Q2	Q3	
b	Thay thế ống thép D200 qua cầu Dran	100m	1,2	0,066	0,079	Q2	Q2	Đề xuất thay mới, thay cho việc sơn chống rỉ như KHXDCB 2025
c	Thay thế ống thép D168 qua cầu Dran	100m	1,2	0,038	0,046	Q2	Q2	Đề xuất thay mới, thay cho việc sơn chống rỉ như KHXDCB 2025
III	NMN LÂM HÀ							
1	NMN Đình Văn							
a	Sửa chữa nhà điều hành	HM	1	0,2	0,200	Q2	Q2	Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá
b	Nhà hoá nghiệm	HM	1	0,15	0,150	Q2	Q2	Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá
2	NMN Tân Hà							

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
	Sửa chữa nhà điều hành	HM	1	0,2	0,200	Q2	Q2	Bổ sung vốn do tăng khối lượng và trượt giá
d	Sửa chữa bể hóa chất bị mục bị mục	Cái	4	0,05	0,200	Q2	Q2	
e	Sửa chữa bể lọc trọng lực tự rửa W=25M3/H	Cái	4	0,05	0,200	Q2	Q2	
3	NMN Nam Ban							
a	Sửa chữa sơn sửa văn phòng Nam Ban+nhà bảo vệ+nhà hoá chất	HM	1	0,3000	0,300	Q2	Q3	
b	Sơn sửa chống thấm bể lắng Nam Ban	HM	1	0,1000	0,100	Q2	Q3	Nhập chung vào mục a
c	Sơn cầu thang, tay vịn, hành lang, sàn công tác	M2	35	0,0003	0,011	Q2	Q3	Nhập chung vào mục a
d	Sửa chữa chống thấm bể nước sạch 600m3 Nam Ban	M2	400	0,0003	0,120	Q2	Q3	Nhập chung vào mục a
e	Sửa chữa chống thấm bể chứa bùn Nam Ban (33.20*7*2.5)	M2	432	0,0003	0,130	Q2	Q3	Nhập chung vào mục a
f	Thay ống STK D200 qua cầu sắt bị sập	100m	0,6	0,0660	0,040	Q2	Q2	
g	Sơn chống rỉ ống thép D220	100m	0,45	0,0200	0,009	Q2	Q2	
h	Sơn chống rỉ ống thép D160	100m	0,85	0,0200	0,017	Q2	Q2	
i	Lắp đặt ống dịch vụ D40, D50, D63 HDPE	100m	80	0,0300	2,400	Q3	Q3	
IV	NMN BẢO LÂM							
a	Thay thế cái tạo tuyến ống dịch vụ tuyến đường Nguyễn Trãi	100m	10	0,03	0,300	Q2	Q2	
b	Thay thế cái tạo tuyến ống dịch vụ tuyến hẻm 43 Trần Phú	100m	8	0,03	0,240	Q2	Q2	
c	Thay thế cái tạo tuyến ống dịch vụ tuyến hẻm 499 Hùng Vương	100m	5,5	0,03	0,165	Q2	Q2	
V	NMN ĐÀHUOAI							
1	Thị trấn Đạ M'ri							
	Sơn sửa lại nhà máy	HM	1	0,3	0,300	Q2	Q2	
2	Thị trấn Madagui							
a	Sơn sửa lại nhà máy	HM	1	0,1	0,100	Q2	Q2	Bổ sung do tăng khối lượng và trượt giá
VI	NMN ĐẠ TÊH							
a	Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 đường liên xã Đạ Têh 2 (thuộc xã Quảng Trị cũ).	100m	13	0,03	0,390	Q2	Q2	
b	Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 đường liên xã Đạ Têh 2 (thuộc liên xã Đạ kho - Triệu Hải cũ).	100m	1,5	0,03	0,045	Q2	Q2	
c	Lắp đặt tuyến ống HDPE D63. Hẻm 274, đường 30/4, xã Đạ Têh	100m	8,2	0,03	0,246	Q2	Q2	
d	Sửa chữa nhà điều hành, nhà hoá chất, trạm bơm cấp II, nhà kho, nhà bảo vệ, cổng tường rào.	HM	1	0,45	0,450	Q3	Q3	
VII	NMN Đam Rông							
a	Sơn sửa lại nhà máy	HM	1	0,3	0,300	Q2	Q2	
VIII	Các nhà máy xử lý nước, trạm bơm							
a	Bảo trì, bảo dưỡng các tủ điện điều khiển, biến tần (đợt 1)	HM	1	2	2,000	Q2	Q3	

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
IX	Các hạng mục cải tạo, sửa chữa chưa xác định cụ thể trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước toàn Công ty	HM	1	20	20,000			
TỔNG HẠNG MỤC B					32,374			
C/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN THEO KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, PHÒNG VÀ CHỐNG THẮT THOÁT CỦA CÔNG TY								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT							
1	Thay thế ống cũ mục đoạn ống D200-63-32-25							
2	- Cải tạo D63-32 đường Thăng long - Lạc Dương	100m	5	0,033	0,164			Đã khoán cho XNXL 04.7.2025
3	- Cải tạo D63-32 Tô Vinh Diện (Đôi 3)	100m	6	0,028	0,168			
4	- Cải tạo D63-32 hẻm 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh	100m	6	0,019	0,116			Đã khoán cho XNXL 26.6.2025
5	- Cải tạo D63-32 hẻm 52 Xô Viết Nghệ Tĩnh	100m	5	0,032	0,162			Đã khoán cho XNXL
6	- Cải tạo D63-32 hẻm Nguyễn Trung Trực - Chùa Bồ Đề	100m	6	0,020	0,123			Đã khoán cho XNXL 10.7.2025
7	- Cải tạo D63-32 các hẻm Xuân An	100m	6	0,028	0,168			
8	- Cải tạo D63-32 hẻm 79 Hùng Vương (Sau TB tăng áp Hùng Vương)	100m	3	0,028	0,084			
9	- Cải tạo D63-32 Công Chúa Ngọc Hân (Nửa cuối đường)	100m	6	0,023	0,139			Đã khoán cho XNXL
10	- Cải tạo D63-32 Cuối đường Triệu Việt Vương (An Bình)	100m	10	0,028	0,280			
11	- Cải tạo một số vị trí cũ mục khác trong quá trình điều hành	100m	20	0,028	0,560			
12	Vệ sinh, sơn lại các đường ống thép các cụm bể chứa	Cụm	16	0,015	0,240			
13	Vệ sinh, sơn lại các đường ống thép bằng cầu	Cụm	20	0,01	0,200			
14	Thay thế đường ống STK D50 dọc đường Hai Bà Trưng	100m	48	0,03	1,440			
15	Thay thế đường ống STK D50 dọc các hẻm đường Phan Đình Phùng	100m	25	0,03	0,750			
16	Thay thế đường ống STK D50 hẻm 29 đường Mê Linh	100m	4,8	0,03	0,144			
17	Thay thế đường ống STK D50 hẻm 05 đường Khe Sanh	100m	4,7	0,03	0,141			
18	Thay thế đường ống STK D50 dọc đường Tăng Bạt Hổ	100m	4,2	0,03	0,126			
19	Thay thế đường ống STK D50 dọc đường Trương Công Định	100m	6,8	0,03	0,204			
20	Thay thế đường ống STK D50 hẻm 70 đường Lữ Gia (hẻm doanh trại quân đội)	100m	11	0,03	0,330			
21	Thay thế ống STK hẻm sân banh Nguyễn Thái Bình	100m	6,5	0,03	0,195			
22	Thay thế đường ống STK D50 hẻm 62 đường Mê Linh	100m	6	0,03	0,180			
23	Thay thế đường ống STK D50 hẻm tập thể viện NCHN đường Nguyễn Đình Chiểu	100m	5,8	0,03	0,174			
24	Thay thế đường ống STK D50 từ trường Cao đẳng Sư phạm đến Sân banh YerSin	100m	9	0,03	0,270			
25	Thay thế ống STK các hẻm dọc đường Nhà Chung	100m	20	0,03	0,600			

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
26	Thay thế ống STK các hèm dọc đường Xuân An	100m	20	0,03	0,600			
27	Thay thế ống STK các hèm dọc đường Đào Duy Từ	100m	10	0,03	0,300			
28	Thay thế ống STK các hèm dọc đường Hà Huy Tập	100m	10	0,03	0,300			
29	Thay thế ống STK D50 các dọc đường Hồ Xuân Hương (từ KDL Hồ Than Thở đến cuối đường)	100m	12	0,03	0,360			
30	Thay thế ống STK 50-33 các hèm dọc đường Hồ Xuân Hương (từ KDL Hồ Than Thở đến cuối đường)	100m	9	0,03	0,270			
31	Thay thế đường ống STK D50 dọc đường Mạc Đình Chi + KQH	100m	25	0,03	0,750			
32	Thay thế tuyến ống PVC D50 hèm chùa Ve Chai - Trại Mát	100m	8	0,03	0,240			
33	Thay thế đường ống STK D33 hèm 36 đường Nam Hồ	100m	4	0,03	0,120			
34	Thay thế đường ống STK D50 hèm 50/3 đường Hà Huy Tập	100m	4	0,03	0,120			
35	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm 194 Ngõ Quyền (Xưởng in)	100m	1	0,03	0,030			
36	Cải tạo ống HDPE D63-32 đường Thăng Long – Lạc Dương	100m	4	0,03	0,120			
37	Cải tạo ống HDPE D63-32 Tô Vĩnh Diện đôi 3	100m	8,7	0,03	0,261			
38	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm 3/2 Ngõ Quyền	100m	2,2	0,03	0,066			
39	Cải tạo ống HDPE D63-32 Khu 12 căn – Ngõ Quyền	100m	5,5	0,03	0,165			
40	Cải tạo ống HDPE D63-32 đường Xuân An (dọc các đường bê tông)	100m	6	0,03	0,180			
41	Cải tạo ống HDPE D63-32 khu vực đường An Bình	100m	15	0,03	0,450			
42	Cải tạo ống HDPE D63-32 cuối tuyến Lê Lai	100m	2	0,03	0,060			
43	Cải tạo ống HDPE D63 khu Làng Thượng – C37 Nguyễn Tử Lực	100m	15	0,03	0,450			
44	Cải tạo ống HDPE D63-32 đường Trịnh Hoài Đức (cuối đường)	100m	4	0,03	0,120			
45	Cải tạo ống HDPE D63-32 KQH – Nguyễn Lương Bằng (đối diện chung cư)	100m	5,5	0,03	0,165			
46	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm sau Trạm bơm tăng áp Hùng Vương	100m	3	0,03	0,090			
47	Cải tạo ống HDPE D32 hèm Osaka – Đồng Đa	100m	1	0,03	0,030			
48	Cải tạo ống HDPE D63-32 đường Tự Tạo, từ vị trí DMA cũ xuống cầu	100m	2	0,03	0,060			
49	Cải tạo ống HDPE D63-32 đường Nguyễn Thị Minh Khai - Khu vực xung quanh chợ Đà Lạt	100m	5	0,03	0,150			
50	Cải tạo ống HDPE D63-32 khu vực xung quanh đường Chi Lăng, từ cây bơ đến cầu Ngõ Văn Sở	100m	8	0,03	0,240			
51	Cải tạo ống HDPE D63-32 Nguyễn Siêu đối diện đường Bạch Đằng	100m	3,2	0,03	0,096			
52	Cải tạo ống HDPE D63-32 khu quy hoạch Golf Valley - đồng hồ nằm sau nhà	100m	8	0,03	0,240			
53	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm dinh Nam Hồ	100m	7	0,03	0,210			

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
54	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm 1 đường vào tổ Thái An 1	100m	2,5	0,03	0,075			
55	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm 3 Thiện Mỹ	100m	2,5	0,03	0,075			
56	Cải tạo ống HDPE D63-32 một phần đường Nguyễn An Ninh (từ nhà số 42 đến 120)	100m	7	0,03	0,210			
57	Cải tạo ống HDPE D63-32 khu dân cư cạnh sân bóng Tự Tạo	100m	9	0,03	0,270			
58	Cải tạo ống HDPE D63 đường Yersin (từ hồ lã đến đầu đường Phạm Hồng Thái)	100m	3,5	0,03	0,105			
59	Cải tạo ống HDPE D63-32 hèm 75 Hùng Vương	100m	6,5	0,03	0,195			
60	Cắt bỏ ống gang D200 Thánh Mẫu	Cụm	1	0,05	0,050			
61	Cắt bỏ đường ống gang D100 Hồ Tùng Mậu	Cụm	1	0,05	0,050			
62	Dự kiến cải tạo ống STK D50 cho các Khu quy hoạch trên địa bàn Đà Lạt	100m	50	0,03	1,500			
63	Dự kiến cải tạo ống STK cho các khu vực cũ nghệt	100m	50	0,03	1,500			
II	NMN ĐƠN DƯỞNG							
1	Thị trấn Thanh Mỹ							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát Thanh Mỹ	100m	3	0,028	0,084			
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện tử + Cello)	cái	3	0,05	0,150			
2	Thị trấn Đ'Ran							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát Đ'Ran	100m	2	0,028	0,056			
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện tử + Cello)	cái	3	0,05	0,150			
III	NMN LÂM HÀ							
1	Thị trấn Đình Văn							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát Đình văn	100m	3	0,028	0,084			
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện tử + Cello)	cái	6	0,05	0,300			
2	Thị trấn Tân Hà							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát Tân Hà	100m	2	0,028	0,056			
b	Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực	Cụm	2	0,01	0,020			
IV	NMN BẢO LÂM							
1	Cải tạo D40-32 Thôn 1 Xã Lộc Ngãi	100m	21	0,0136	0,286			
2	Cải tạo D63-25 HDPE chống thất thoát	100m	10	0,028	0,280			
3	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện tử + Cello)	cái	3	0,05	0,150			
4	Thay thế cải tạo tuyến ống dịch vụ tuyến hèm 417 Hùng Vương	100m	12	0,022	0,268			Đã khoán cho NMN Bảo Lâm, T12/2025
5	Thay thế cải tạo tuyến ống dịch vụ tuyến hèm 176 Trần Phú	100m						Chung mục (4)
6	Thay thế cải tạo tuyến ống dịch vụ tuyến hèm 79 Trần Phú	100m						Chung mục (4)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		GHI CHÚ
						Lập HS	Thi công	
7	Đi dờn tuyến ống HDPE D110, và các tuyến ống dịch vụ DT 725 - thôn 1 - Lộc Ngãi (1600m D110, 2000m D40-63)	100m	16	0,06	0,960			Đang thực hiện GD 2
V	NMN ĐẠ HUOAI							
1	Thị trấn Đạ M'ri							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát Đạm Ri	100m	3	0,028	0,084			
2	Thị trấn Madaguoi							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084			
b	Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực	Cụm	3	0,01	0,030			
VI	NMN ĐẠ TÊH							
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084			
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện tử + Cello)	cái	3	0,05	0,150			
TỔNG HẠNG MỤC C					20,506			
TỔNG CỘNG (A+B+C)					66,792			

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 3 năm 2026

PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC


Trần Hoàng






Nguyễn Hùng Cường

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị TV;
- Lưu VT.

Bùi Hoàng Trường Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh
Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **SỐ 07**

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 trên cơ sở xem xét hồ sơ năng lực về độ uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán đảm bảo; đơn giá dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực ngành nước của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đề xuất các Công ty kiểm toán theo thông báo danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO – CN TP.HCM. Địa chỉ: Lầu 11, Tòa nhà HUD Building, Số 159 Điện Biên Phủ, P15, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2026 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu tại danh sách trên để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2026 theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình./.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG
Nguyễn Thị Mỹ Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh
Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

SỐ 08

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2026 Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025 với nội dung như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đvt: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	80.369.210.298
2	Nộp vào quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quyết định 1381/QĐ-UBND	1.113.778.523
3	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025	79.255.431.775
	Trong đó:	
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	4.755.325.907
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.439.987.484
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	20.195.988.735
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	2.243.998.748
3.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
3.4	Trích thưởng HĐQT, BKS (TB+TV) và BDH	2.456.918.385
	+ Thưởng HĐQT, BKS (TB+TV)	1.228.459.193
	+ Thưởng BDH	1.228.459.192
3.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	48.225.600.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)=(1.5)/VĐL	6,12

(xem phụ lục 8 tại website: www.lawaco.com - Mục Quan hệ cổ đông - Tổng quan - Thông tin chung - Tin doanh nghiệp công bố))

2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2025

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2025: 6,12% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến trong tháng 07 năm 2026.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2025 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh
Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **SỐ 09**

Về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2026 với nội dung như sau:

đvt: đồng

Stt	Chỉ Tiêu	Số người	Năm 2025			Kế hoạch 2026	So sánh KH 2026/TH 2025
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	TIỀN THÙ LAO		1.377.600.000	1.377.600.000	100,00	1.377.600.000	100,00
1	Hội Đồng Quản Trị		1.152.000.000	1.152.000.000	100,00	1.152.000.000	100,00
	+ Chủ tịch	1	480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
	+ Thành viên	4	672.000.000	672.000.000	100,00	672.000.000	100,00
2	Thành viên Ban Kiểm Soát	2	225.600.000	225.600.000	100,00	225.600.000	100,00
II.	TIỀN LƯƠNG		480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	480.000.000	480.000.000	100,00	480.000.000	100,00
	Tổng (I)+(II)		1.857.600.000	1.857.600.000	100,00	1.857.600.000	100,00

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Phạm Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên
Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

SỐ 10

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên
thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 12/3/2026 của ông Đỗ Văn Hạ;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm ngày 26/3/2026 của ông Phạm Văn Khoa;
- Căn cứ báo cáo của Ban kiểm soát công ty về đơn từ nhiệm của ông Phạm Văn Khoa
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13/3/2026 và ngày 27/3/2026;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên của nhiệm kỳ 2023-2028 đối với các ông, bà sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lý do
1	Đỗ Văn Hạ	Thành viên Hội đồng quản trị	Xin miễn nhiệm lý do cá nhân
2	Phạm Văn Khoa	Kiểm soát viên	Xin miễn nhiệm lý do cơ quan quản lý điều động nhiệm vụ công tác khác

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua./.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh
Lâm Đồng
MSDN: 5800000174

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **SỐ 11**

Về việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ kết quả miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Đỗ Văn Hạ và chức danh Kiểm soát viên đối với ông Phạm Văn Khoa thuộc nhiệm kỳ 2023-2028 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, số lượng thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 hiện nay thiếu 01 thành viên, Ban kiểm soát hiện nay thiếu 01 kiểm soát viên.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét và thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị và 01 Kiểm soát viên thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 theo danh sách ứng viên đủ điều kiện đã được công bố kèm theo tài liệu Đại hội.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Đình Tân

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG (LAWACO) NHIỆM KỲ 2023-2028

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Thúy
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 29/05/1990
- Nơi sinh: Lâm Đồng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD/Hộ chiếu: 068190009418
- Ngày cấp: 02/05/2022 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: 344/6 Nguyễn Duy Dương, Phường Vườn Lài, TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ liên hệ: 45/34D Nguyễn Hồng, Phường Bình Lợi Trung, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 0909.716.751 Email: kimthuy12042020@gmail.com

2. Trình độ chuyên môn:

- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học
- Chuyên ngành: Quản Trị Nhân Sự
- Ngoại ngữ: Anh văn B

3. Quá trình công tác

THỜI GIAN	NƠI CÔNG TÁC	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
05/2013-03/2020	Công ty CP Hoàn Vũ Sài Gòn	Nhân Viên HCNS	
04/2020-01/2024	Công ty TNHH Anh Quốc SG	Trợ lý Ban Tổng Giám Đốc	
02/2024- Nay	Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Gia VN	Phó Chánh Văn Phòng Ban TGD	



4. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

STT	NƠI CÔNG TÁC	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Công ty CP Thiên Anh Sài Gòn	Thành Viên Hội đồng Quản trị	
2	Công ty TNHH Yến Sào Hoàn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	

5. Quan hệ với LAWACO

- Số cổ phần đang đại diện sở hữu: 12.502.601 cổ phần tỷ lệ sở hữu: 15.87%
- Số cổ phần đang sở hữu: 3.100 cổ phần tỷ lệ sở hữu: 0.00004%

6. Cam kết

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty
- Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- Không có tiền án, tiền sự liên quan đến các tội danh kinh tế, tham nhũng.
- Thông tin cung cấp là trung thực, chính xác.
- Cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực, vì lợi ích Công ty và cổ đông.
- Không có xung đột lợi ích hoặc sẽ báo cáo nếu phát sinh.
- Cam kết dành đủ thời gian thực hiện nhiệm vụ.
- Đồng ý để Công ty xác minh thông tin khi cần thiết.



TP.HCM, ngày tháng năm 2026

XÁC NHẬN
ĐƠN VỊ ĐỀ CỬ



Dương Xuân Trường

ỦNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Quý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN

(Ứng cử viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2023-2028 công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026**
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Tôi tên là: **Nguyễn Thị Kim Thúy**

Ngày sinh: 29/05/1990

CMND/CCCD: 068190009418

Địa chỉ thường trú: 344/6 Nguyễn Duy Dương, Phường Vườn Lài, TP.Hồ Chí Minh

Là ứng cử viên tham gia bầu Thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng



Tôi xin cam đoan:

1. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp hiện hành
 - Điều lệ Công ty
 - Các quy định pháp luật có liên quan
2. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật.
3. Thông tin kê khai là trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.
4. Không có lợi ích liên quan gây xung đột lợi ích (hoặc đã công bố đầy đủ nếu có).
5. Nếu được bầu:
 - Tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của Công ty và cổ đông
 - Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

TP.HCM, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI CAM ĐOAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG (LAWACO) NHIỆM KỲ 2023-2028

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: Võ Văn Đạt.
- Giới tính: Nam.
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/02/1988.
- Nơi sinh: Thành phố Đà Nẵng.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD/Hộ chiếu: 048088007248
- Ngày cấp: 19/8/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự Xã hội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà SCIC – CNMT, 298 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0914.818.169 Email: vovandat@scic.vn.

2. Trình độ chuyên môn

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ.
- Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.
- Trình độ chuyên môn (ưu tiên kế toán/kiểm toán/tài chính):
 - Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế - Tài chính;
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chứng chỉ (nếu có – CPA, ACCA...):
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh (IELTS 6.5)

3. Quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
3/2012 - 5/2013	Chuyên viên Khách hàng Doanh nghiệp tại Ngân Hàng Quân Đội – Chi Nhánh Đà Nẵng.
08/2013 - nay	Chuyên viên Đầu tư – Chi nhánh miền Trung – SCIC. Trong thời gian công tác tại SCIC có làm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Lâm Đồng, cụ thể: Từ tháng 6/2019 – tháng 9/2024: Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024. Từ tháng 9/2024 – tháng 12/2025: Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

4. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

5. Quan hệ với LAWACO

- Số cổ phần đang sở hữu: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0 %
- Người có liên quan: Không.
- Quan hệ với HĐQT/Ban điều hành: Không.

6. Đánh giá tính độc lập

- ☐ Không phải là người lao động của LAWACO
- ☐ Không phải là người có liên quan của HĐQT/Ban điều hành LAWACO
- ☐ Không có lợi ích liên quan đáng kể với LAWACO
- ☐ Đủ điều kiện độc lập theo quy định pháp luật

7. Cam kết

Tôi cam kết:

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
- Không thuộc đối tượng bị cấm
- Thông tin cung cấp là trung thực, chính xác
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát độc lập, khách quan

Đà Nẵng ngày 16 tháng 4 năm 2026

ỨNG VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN


Võ Văn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM ĐOAN

*(Ứng cử viên Kiểm soát viên trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2023-2028 công ty cổ phần
Cấp thoát nước Lâm Đồng)*

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 công ty cổ phần Cấp thoát nước
Lâm Đồng)**

Tôi tên là: Võ Văn Đạt.

Ngày sinh: 01 tháng 02 năm 1988.

CCCD: 048088007248 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự Xã hội cấp ngày 19/8/2022.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng.

Là ứng cử viên Kiểm soát viên của công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Tôi xin cam đoan:

1. Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của:
 - Luật Doanh nghiệp hiện hành
 - Điều lệ Công ty
 - Các quy định pháp luật có liên quan
2. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật.
3. Đảm bảo tính độc lập, cụ thể:
 - Không phải là vợ/chồng, cha/mẹ, con, anh/chị/em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc và người quản lý khác
 - Không giữ các chức vụ quản lý điều hành trong Công ty
 - Không có quan hệ lợi ích làm ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập
4. Thông tin kê khai là trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
5. Không có lợi ích liên quan gây xung đột lợi ích (hoặc đã công bố đầy đủ nếu có).
6. Nếu được trúng cử:
 - Tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trung thực, khách quan
 - Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI CAM ĐOAN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Võ Văn Đạt